

Số: 30/QĐ-DHĐT

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt và Ban hành Đề án tổ chức thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của Trường Đại học Đồng Tháp năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp và Công văn số 5830/VPCP-KGVX ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Văn phòng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Đồng Tháp thành Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 156/NQ-HĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Công văn số 261/KTĐGQG-DVTCT ngày 03/10/2024 của Trung tâm Khảo thí Quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục giới thiệu Tổng quan về Bài thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT);

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt và Ban hành kèm theo Quyết định này “Đề án tổ chức thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của Trường Đại học Đồng Tháp năm 2026”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH;
- Lưu: VT; BĐCL; T.

HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. HỒ VĂN THỐNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

**ĐỀ ÁN TỔ CHỨC KỲ THI
ĐÁNH GIÁ ĐẦU VÀO ĐẠI HỌC TRÊN MÁY TÍNH (V-SAT)
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP NĂM 2026**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/QĐ-ĐHĐT ngày 05/01/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

Đồng Tháp, tháng 01 năm 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ ÁN TỔ CHỨC KỲ THI
ĐÁNH GIÁ ĐẦU VÀO ĐẠI HỌC TRÊN MÁY TÍNH (V-SAT)
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP NĂM 2026

*(Ban hành kèm theo Quyết định 30/QĐ-ĐHĐT ngày 05/01/2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)*

Đồng Tháp, tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ĐỀ ÁN	1
PHẦN 1: TỔNG QUAN ĐỀ ÁN.....	2
PHẦN 2: NỘI DUNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN.....	6
I. NỘI DUNG THỰC HIỆN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP	6
1. Giới thiệu về Trường Đại học Đồng Tháp.....	6
<i>1.1. Giới thiệu tổng quan về Trường</i>	<i>6</i>
<i>1.2. Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục</i>	<i>7</i>
<i>1.2.1. Sứ mạng.....</i>	<i>7</i>
<i>1.2.2. Tầm nhìn.....</i>	<i>7</i>
<i>1.2.3. Giá trị cốt lõi</i>	<i>7</i>
<i>1.2.4. Triết lý giáo dục.....</i>	<i>7</i>
2. Kinh nghiệm và năng lực tổ chức thi.....	8
3. Điều kiện tổ chức thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính	8
<i>3.1. Cơ sở vật chất tổ chức thi.....</i>	<i>8</i>
<i>3.2. Phần mềm tổ chức thi trên máy tính</i>	<i>9</i>
<i>3.3. Đội ngũ cán bộ tổ chức thi, hỗ trợ công nghệ thông tin và hỗ trợ các phương tiện kỹ thuật khác</i>	<i>9</i>
4. Trách nhiệm và nhiệm vụ tổ chức thi.....	10
<i>4.1. Chuẩn bị.....</i>	<i>10</i>
<i>4.2. Trong khi thi</i>	<i>10</i>
<i>4.3. Sau khi thi</i>	<i>11</i>
5. Sử dụng kết quả thi xét tuyển tại Trường ĐHTT	11
II. NỘI DUNG THỰC HIỆN CỦA TRUNG TÂM KHẢO THÍ QUỐC GIA VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	11
1. Mục tiêu, nội dung bài thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính.....	12
<i>1.1. Mục tiêu</i>	<i>12</i>
<i>1.2. Nội dung bài thi</i>	<i>12</i>
<i>1.2.1. Một số đặc trưng của bài thi</i>	<i>12</i>
<i>1.2.2. Nội dung, hình thức và thời gian thi.....</i>	<i>12</i>
<i>1.2.3. Cấu trúc chung các môn thi</i>	<i>14</i>
<i>1.2.4. Phương pháp tính điểm</i>	<i>14</i>
<i>1.2.5. Chi tiết về bài thi</i>	<i>15</i>
2. Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi.....	35
3. Trách nhiệm và nhiệm vụ tổ chức thi.....	37
<i>3.1. Chuẩn bị.....</i>	<i>37</i>
<i>3.2. Trong khi thi</i>	<i>38</i>
<i>3.3. Sau khi thi</i>	<i>38</i>

III. KẾ HOẠCH PHỐI HỢP THỰC HIỆN.....	38
IV. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN KỲ THI	39
1. Lịch thi.....	39
2. Địa điểm thi: Trường Đại học Đồng Tháp	39
3. Đối tượng và điều kiện dự thi.....	39
<i>3.1. Đối tượng dự thi</i>	<i>39</i>
<i>3.2. Điều kiện dự thi</i>	<i>40</i>
4. Lệ phí thi đăng ký thi từng môn thi.....	40
5. Đăng ký dự thi.....	40
6. Các bước đăng ký thi trực tuyến trên hệ thống https://vsat.dthu.edu.vn	41
7. Thông tin liên hệ	41
PHẦN 3: CAM KẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	42

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

1. Tên đề án

**“TỔ CHỨC KỲ THI ĐÁNH GIÁ ĐẦU VÀO ĐẠI HỌC TRÊN MÁY TÍNH (V-SAT)
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP NĂM 2026”**

2. Cơ quan thực hiện: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

- Địa chỉ: 783, Phạm Hữu Lầu, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

- Điện thoại: 0277 3881518

- Địa chỉ Email: dhdt@dthu.edu.vn

- Trang thông tin điện tử:

+ <https://dthu.edu.vn>

+ <https://tuyensinh.dthu.edu.vn>

+ <https://vsat.dthu.edu.vn>

3. Cơ quan phối hợp

TRUNG TÂM KHẢO THÍ QUỐC GIA VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
(trực thuộc Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Địa chỉ: Tầng 3, 4, Tòa nhà 8C, Số 30 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Website: <http://ntc.moet.gov.vn>

4. Tài chính của đề án

- Nguồn thu: Từ lệ phí đăng ký thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính.

- Nguồn chi được thực hiện từ nguồn thu nêu trên.

5. Thời gian xây dựng đề án: Năm 2026.

6. Thời gian thực hiện đề án: Tuyển sinh từ năm 2026.

PHẦN 1: TỔNG QUAN ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Nghị quyết số 50/2010/NQ-QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội khóa 12 về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thành lập Trường, đầu tư và đảm bảo chất lượng đào tạo đối với giáo dục đại học”;
- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng chính phủ, tuân theo các giải pháp tổng thể trong chiến lược phát triển giáo dục trong giai đoạn 2012 - 2020 nhằm mục đích đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục, tăng cường gắn đào tạo với sử dụng, NCKH và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội;
- Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT;
- Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
- Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022;
- Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp và Công văn số 5830/VPCP-KGVX ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Văn phòng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSP Đồng Tháp thành Trường Đại học Đồng Tháp;
- Nghị quyết số 156/NQ-HĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp;
- Quyết định số 196/QĐ-QLCL ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng về Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Khảo thí Quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục;
- Công văn số 261/KTQG-DVTCT ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Trung tâm Khảo thí Quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục giới thiệu Tổng quan về Bài thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT);

2. Bối cảnh xây dựng đề án

Đề án tổ chức Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) của Trường được xây dựng trong bối cảnh ngành giáo dục đang tích cực triển khai Nghị quyết 29 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó với Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và Kỳ thi tuyển sinh đại học đã có nhiều thay đổi lớn.

Năm 2015 là năm đầu tiên ngành giáo dục tổ chức Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia (Kỳ thi THPTQG) vừa để xét tốt nghiệp THPT vừa để xét tuyển vào đại học, cao đẳng. Kỳ thi THPTQG đã được xã hội đánh giá cao bởi việc giảm áp lực thi cử đối với học sinh, tiết kiệm được chi phí của gia đình học sinh và của xã hội, tiếp tục có giải pháp đảm bảo chất lượng giáo dục và tạo cơ hội trúng tuyển đại học, cao đẳng cho học sinh. Từ năm 2016 đến 2020, kỳ thi THPTQG tiếp tục được tổ chức với nhiều cải tiến để phát huy được kết quả tích cực của kỳ thi năm 2015, đồng thời khắc phục những bất cập đã nảy sinh trong tổ chức thi và trong tổ chức xét tuyển.

Tuy vậy, ngay sau khi kỳ thi THPTQG năm 2016 kết thúc, lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã phát biểu về định hướng đổi mới kỳ thi tốt nghiệp THPT và việc xét tuyển vào đại học, cao đẳng theo nguyên tắc thực hiện đúng Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học mà tinh thần cơ bản là giao nhiệm vụ công nhận tốt nghiệp THPT về các sở giáo dục và đào tạo, giao nhiệm vụ thi và xét tuyển đại học cho các trường đại học. Hơn thế nữa, kỳ thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 có nhiều thay đổi theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Định hướng thay đổi này không chỉ là sự triển khai cụ thể các quy định pháp luật hiện hành về giáo dục và đào tạo mà còn đảm bảo tính mục tiêu của mỗi kỳ thi được xác định một cách toàn diện hơn bởi kỳ thi tốt nghiệp THPT với vai trò 2 trong 1 (vừa xét công nhận tốt nghiệp THPT vừa xét tuyển đại học, cao đẳng) cũng chưa thực sự giúp cho việc xét tuyển đại học đạt được chất lượng cao như mong muốn.

Thách thức đặt ra với các trường là chất lượng nguồn tuyển này nằm ngoài khả năng kiểm soát chất lượng của trường tuyển sinh, đòi hỏi trường tuyển sinh phải có giải pháp đảm bảo chất lượng.

Năm 2023, để đáp ứng sự thay đổi và đa dạng trong hình thức tuyển sinh đại học cao đẳng, Trung tâm Khảo thí quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục (KTQG) đã xây dựng và phát triển ngân hàng câu hỏi thi (NHCHT) chuẩn hóa và phần mềm thi trên máy tính phục vụ “Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT)”.

Việc tổ chức thi theo hình thức làm bài thi trên máy tính giúp các đơn vị tổ chức thi tiết kiệm thời gian và chi phí về lâu dài. Với sự phối hợp của Trung tâm KTQG, đơn vị tổ chức thi sẽ giảm bớt gánh nặng chi phí về giấy tờ, mực in, công tác nghiên cứu đề thi, thẩm định đề thi và chấm thi so với hình thức thi truyền thống trên giấy. Với tính năng trộn đề từ ngân hàng câu hỏi, mỗi thí sinh sẽ có một mã đề khác nhau, do đó việc thí sinh gian lận gần như là không thể. Bên cạnh đó, việc chấm thi cũng được thực hiện trên phần mềm, có thể trả kết quả ngay lập tức, giảm thiểu tối đa sự can thiệp của người chấm thi. Như vậy, có thể thấy rõ tính linh hoạt, hiệu quả và khách quan của kỳ thi.

Với kinh nghiệm trong việc phát triển NHCHT chuẩn hóa, tham gia tổ chức các kỳ thi cấp quốc gia, tổ chức các kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trên máy tính; cùng với đội ngũ cán bộ có trình độ cao về đo lường và đánh giá trong giáo dục và công nghệ thông tin, Trung tâm KTQG tự tin là một đơn vị có kinh nghiệm, có năng lực phối hợp thực hiện và bảo đảm tính khả thi của giải pháp tổ chức thi đánh giá trên máy tính trong việc thi đánh giá người học phục vụ công tác tuyển sinh của các cơ sở giáo dục đại học. Đối với “Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT)”, Trung tâm KTQG thực hiện xây dựng giải pháp tổng thể, bảo đảm phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học tổ chức thi đáp ứng mục tiêu lựa chọn thí sinh (của các ngành đào tạo đặc thù hoặc yêu cầu phân hóa cao trong xét tuyển sinh) thông qua các kỳ thi được tổ chức khoa học, nghiêm túc, công bằng, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong thi cử, tạo thuận lợi cho các thí sinh, đơn vị tổ chức thi có thể tổ chức thi nhiều lần trong năm trên máy tính.

3. Thực trạng tuyển sinh hiện nay tại Trường Đại học Đồng Tháp

Trong bối cảnh tuyển sinh đại học của Việt Nam, nhiều năm qua, Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHĐT) đã sử dụng nhiều phương thức xét tuyển, cụ thể như sau:

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế của Bộ GD&ĐT;
- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT;
- Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ);
- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi V-SAT;
- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG TP.HCM.

Các phương thức xét tuyển này, cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Trường trong công tác tuyển sinh về chất lượng và số lượng của các nguồn tuyển trong nhiều năm qua. Mặc dù vậy, các phương thức này có điểm hạn chế như sau:

- Thứ nhất, đối với một số ngành học thu hút số lượng đông đảo thí sinh và có tỷ lệ chọi cao, phương thức kết quả học tập ở bậc THPT và kết quả Kỳ thi THPTQG, do bản chất mục tiêu đánh giá của nó chưa thực hiện được đầy đủ mục tiêu phân loại, phân hóa thí sinh xét tuyển đại học. Điều này khiến cho chất lượng nguồn tuyển của các ngành học này chưa thực sự đạt yêu cầu như mong đợi. Các thí sinh vào các ngành học này có điểm chuẩn cao, nhưng năng lực chuyên môn gắn với yêu cầu đào tạo của các ngành học chưa thực sự tương ứng.

- Thứ hai, các phương thức xét tuyển hiện tại, chưa đánh giá được đầy đủ năng lực của các thí sinh khi đăng ký vào học các ngành đào tạo đặc thù hoặc yêu cầu phân hóa cao trong xét tuyển sinh vào các ngành học cụ thể ở Trường.

- Thứ ba, từ năm 2025 học sinh học chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 tốt nghiệp THPT. Đối với những học sinh theo học các môn tự chọn không đúng với tổ hợp xét tuyển đại học với ngành mà các em mong muốn, do đó các em không thể xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT cũng như điểm học bạ THPT.

4. Sự cần thiết của việc triển khai đề án với các lý do chủ yếu như sau

Kỳ thi tốt nghiệp THPT mục đích chủ yếu là để xét tốt nghiệp THPT, không phải có mục tiêu chính là giúp các trường đại học lựa chọn người học có năng lực phù hợp.

Việc lựa chọn đầu vào bậc đại học cần gắn với nội dung học tập THPT để nâng cao động lực và đảm bảo chất lượng học tập ở bậc này; hạn chế các bài thi, hình thức xét tuyển xa rời với chương trình đào tạo THPT.

Kỳ thi tổ chức gọn nhẹ, linh hoạt, nhiều kỳ, thí sinh có thể lựa chọn thời gian thi, tránh gây áp lực đối với thí sinh khi chỉ tổ chức 1 kỳ thi duy nhất trong năm.

Bài thi được thực hiện hoàn toàn trên máy tính, cách tính điểm thi được cài đặt tự động trong hệ thống phần mềm tổ chức thi nhằm giúp thí sinh có kết quả thi nhanh chóng.

5. Đối tượng dự thi

Những người có nhu cầu sử dụng kết quả thi V-SAT để đăng ký xét tuyển vào đại học ở những cơ sở giáo dục đại học có sử dụng kết quả thi V-SAT để xét tuyển, bao gồm:

- a) Người đang học chương trình THPT hoặc chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT;
- b) Người học hết chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
- c) Người đã tốt nghiệp THPT; người tốt nghiệp trình độ trung cấp và đã có bằng tốt nghiệp THPT (theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (học ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam) và được công nhận đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam;
- d) Người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên.

6. Điều kiện dự thi

Các đối tượng dự thi không trong thời gian bị kỷ luật cấm thi; đăng ký dự thi và nộp đầy đủ các giấy tờ, lệ phí thi theo quy định.

PHẦN 2: NỘI DUNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Trường ĐHĐT và Trung tâm KTQG phối hợp về việc tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào đại học trên máy tính. Việc tổ chức thi có thể thực hiện nhiều lần trong một năm.

Theo đó, Trung tâm KTQG xây dựng NHCHT, cung cấp phần mềm tổ chức thi trên máy tính và đồ dữ liệu thi vào hệ thống máy chủ và máy tính dự thi của tất cả thí sinh dự thi tại Trường ĐHĐT.

Đồng thời, Trường ĐHĐT đảm bảo chuẩn bị đầy đủ về điều kiện cơ sở vật chất và các trang thiết bị để tổ chức thi.

I. NỘI DUNG THỰC HIỆN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

1. Giới thiệu về Trường Đại học Đồng Tháp

1.1. Giới thiệu tổng quan về Trường

Trường ĐHĐT là trường đại học công lập, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, trực thuộc Bộ GDĐT, được thành lập ngày 10/01/2003 theo Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5830/VPCP-KGVX ngày 04/9/2008 về việc đổi tên Trường ĐHSP Đồng Tháp thành Trường ĐHĐT.

Trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục (chu kỳ 2) theo Quyết định số 1095/QĐ-KĐCL ngày 02/12/2022 về việc đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn của Bộ GDĐT. Trường có 28 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học, cao đẳng đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội kiểm định và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục.

Trường đã thành lập Hội đồng trường theo Quyết định số 692/QĐ-BGDĐT ngày 10/3/2020.

Trường có 01 trụ sở chính tại: 783 Phạm Hữu Lầu, Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp

Hiện nay, Trường ĐHĐT có 22 đơn vị, bao gồm: 06 đơn vị đào tạo (trong đó, có 01 Trường Sư phạm), 10 phòng chức năng, 06 trung tâm.

Tính đến tháng 12/2025, Trường có 536 giảng viên toàn thời gian gồm: 320 thạc sĩ, 216 tiến sĩ (trong đó có 01 giáo sư và 22 phó giáo sư), tỷ lệ tiến sĩ trên giảng viên là 40,3%.

Số lượng và cơ cấu ngành nghề của Trường liên tục phát triển trên cơ sở đảm bảo chất lượng đào tạo.

- 03 ngành đào tạo tiến sĩ: Quản lý giáo dục, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán, Hoá lý thuyết và hoá lý.

- 18 chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ: Quản lý giáo dục, Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán, Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học), Ngôn ngữ Việt Nam, Hóa lý thuyết và Hóa Lý, Lịch sử Việt Nam, Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh, Khoa học Môi trường, Quản lý kinh tế, Vật lý lý thuyết và Vật lý Toán, Khoa học máy tính, Lý luận và phương pháp dạy học, Quản trị kinh doanh, Sinh học, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Mầm non, Giáo dục thể chất, Toán học.

- 52 ngành đào tạo hệ chính quy.
- 31 ngành đào tạo hệ vừa làm vừa học.
- 11 ngành đào tạo với hình thức đào tạo từ xa.

- Các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn - nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học, tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP).

Tính đến tháng 12/2025, Trường đang đào tạo 69 nghiên cứu sinh, 1.938 học viên cao học; hơn 18.000 học viên, sinh viên ở các hệ đào tạo (chính quy, vừa học vừa làm, từ xa), bồi dưỡng tại 60 cơ sở liên kết đào tạo thuộc các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Bắc Bộ.

1.2. Sức mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục

1.2.1. Sức mạng

Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đa lĩnh vực, trong đó khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học và cung cấp các dịch vụ cộng đồng; góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

1.2.2. Tầm nhìn

Trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học có chất lượng cao của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

1.2.3. Giá trị cốt lõi

Chất lượng - Sáng tạo - Hợp tác - Trách nhiệm - Thân thiện.

Chất lượng là giá trị then chốt, Trường theo đuổi chiến lược hướng đến mục tiêu phát triển với chất lượng cao; tạo động lực cho các cá nhân, đơn vị cải tiến và nâng cao hiệu quả hoạt động, nhất là trong quản trị đại học, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Sáng tạo là động lực cho sự phát triển, là giá trị cơ bản, phải luôn được ghi nhận, nuôi dưỡng và thúc đẩy. Trường xây dựng văn hóa sáng tạo, khơi nguồn và phát huy khả năng sáng tạo trong mọi hoạt động của từng cá nhân, đơn vị.

Hợp tác là cùng chia sẻ trong nhận thức và hành động, trong trách nhiệm và quyền lợi để tạo nên sức mạnh và tiền đề cho sự thành công. Trường luôn thúc đẩy hợp tác và coi hợp tác là điểm tựa tạo sự kết nối và hội nhập quốc tế.

Trách nhiệm là một giá trị nền tảng. Trường đề cao trách nhiệm của từng cá nhân và từng đơn vị trong thực thi nhiệm vụ, hài hòa giữa lợi ích và trách nhiệm. Quyền tự chủ càng cao thì trách nhiệm càng lớn.

Thân thiện là giá trị có vai trò góp phần thúc đẩy các giá trị khác trong hệ giá trị. Trường là cơ sở giáo dục đại học có môi trường văn hóa cởi mở, ứng xử và giao tiếp văn minh.

1.2.4. Triết lý giáo dục

Kiến tạo - Chuyên nghiệp - Hội nhập.

Kiến tạo: Chủ động thiết kế, tạo dựng môi trường giáo dục tích cực theo tinh thần đổi mới, sáng tạo và tiên phong. Cùng nhau tạo ra kiến thức mới và giá trị mới, trở thành trường đại học hiện đại, khai phóng và phát triển theo mô hình trường học hạnh phúc.

Chuyên nghiệp: Đề cao sự chuẩn mực và hiệu quả trong hoạt động giáo dục và lao động, chú trọng các giá trị nhân văn. Tuân thủ các nguyên tắc chung, tôn trọng sự khác biệt, chủ động thích ứng với thế giới việc làm luôn thay đổi.

Hội nhập: Hướng đến mục tiêu xây dựng hệ sinh thái giáo dục mở và tư duy công dân toàn cầu. Thúc đẩy hợp tác với tinh thần kết nối, đồng hành để cùng phát triển theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

2. Kinh nghiệm và năng lực tổ chức thi

Trường ĐHĐT với bề dày kinh nghiệm trong tổ chức các kỳ thi tuyển sinh, Trường ĐHĐT đã khẳng định uy tín qua nhiều năm triển khai các kỳ thi như: kỳ thi tuyển sinh do Trường tự ra đề, chủ trì cụm thi tuyển sinh theo hình thức “3 chung” và kỳ thi THPT quốc gia theo phân công của Bộ GD&ĐT.

Đặc biệt, Trường ĐHĐT vinh dự là một trong các cơ sở giáo dục đại học được Bộ GD&ĐT cấp phép tổ chức Kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, theo Công văn số 1924/QLCL-QLT ngày 01/12/2023. Điều này minh chứng cho sự đầu tư bài bản của Nhà trường về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tổ chức thi cũng như chất lượng đội ngũ nhân sự. Nhằm đảm bảo công tác tổ chức kỳ thi đạt chất lượng cao, Trường đã giao Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học trực tiếp triển khai các kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo chuẩn 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đồng thời, Phòng Bảo đảm chất lượng đóng vai trò chuyên trách trong việc tổ chức kỳ thi, còn Phòng Tổ chức cán bộ - Pháp chế chịu trách nhiệm giám sát, đảm bảo tính công bằng và minh bạch.

Với đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, tận tâm và chuyên nghiệp, Trường ĐHĐT cam kết tổ chức các kỳ thi nghiêm túc, khách quan, đảm bảo kết quả đánh giá chính xác, có giá trị phục vụ cho công tác xét tuyển của các trường đại học. Điều này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đầu vào của các cơ sở đào tạo mà còn đáp ứng nhu cầu trong xã hội.

3. Điều kiện tổ chức thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính

3.1. Cơ sở vật chất tổ chức thi

Trường có đủ cơ sở vật chất bao gồm trang thiết bị, tài liệu học tập và công nghệ thông tin để thực hiện công tác tổ chức thi.

Trường có đủ trang thiết bị dạy và học được bảo đảm về chất lượng đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động tổ chức thi. Trong đó, các trang thiết bị phương tiện hỗ trợ tổ chức thi chủ yếu là hệ thống trang thiết bị cho giảng đường, phòng máy tính. Tất cả các phòng học của Trường đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, bàn ghế, bảng trắng, viết bút lông, hệ thống quạt, ánh sáng, âm thanh, có hệ thống camera giám sát ghi được toàn bộ diễn biến của cả phòng thi liên tục trong suốt thời gian thi; có đồng hồ dùng chung cho tất cả thí sinh theo dõi được thời gian làm bài.

Có đủ trang thiết bị ghi âm, phát âm, ghi hình, phần mềm chuyên dụng đáp ứng yêu cầu tổ chức thi.

Có thiết bị cầm tay kiểm tra an ninh để kiểm soát, ngăn chặn được việc thí sinh mang tài liệu, đồ dùng trái phép vào phòng thi.

Có nơi bảo quản đồ đạc của thí sinh.

Có phòng làm việc Hội đồng thi, trực thi, giao nhận đề thi, bài thi; có thùng, tủ, có khóa chắc chắn để bảo quản đề thi và bài thi.

Khu vực thi đảm bảo các yêu cầu an toàn, bảo mật và phòng chống cháy nổ.

Trường có 13 phòng máy chuyên dùng cho công tác khảo thí với 370 máy tính. Có thể tổ chức thi đồng thời cho 300 thí sinh thi cùng lúc. Tất cả máy vi tính của Trường đều được nối mạng nội bộ, kết nối mạng Internet cáp quang và được lắp đặt cố định tại các phòng thực hành tin học, thư viện, phòng ban, khoa bảo đảm đủ phục vụ nghiên cứu khoa học và học tập cho giảng viên, người học và cho việc khảo thí.

Hệ thống công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ và cập nhật để hỗ trợ công việc tổ chức thi.

Trường có bộ phận chuyên môn thực hiện quản lý toàn bộ hạ tầng và hệ thống thiết bị tin học, có nhiệm vụ quản lý, vận hành và bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống công nghệ thông tin toàn trường.

3.2. Phần mềm tổ chức thi trên máy tính

Trung tâm KTQG cung cấp cho Trường ĐHĐT phần mềm tổ chức thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính dựa trên nền tảng có sẵn của chương trình thi tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đã được kiểm định và cấp phép tổ chức thi.

3.3. Đội ngũ cán bộ tổ chức thi, hỗ trợ công nghệ thông tin và hỗ trợ các phương tiện kỹ thuật khác

Trường ĐHĐT có đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao, sử dụng thuần thục các thiết bị tin học, âm thanh, video phục vụ cho việc tổ chức thi.

- a. Ban Chỉ đạo, Hội đồng thi và các ban giúp việc cho Hội đồng thi.
- b. Đội ngũ cán bộ thực hiện công tác tổ chức thi, quản lý hồ sơ thi.
- c. Đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành server, hệ thống mạng, quản lý toàn bộ hạ tầng, hệ thống thiết bị tin học và bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống công nghệ thông tin toàn trường.
- d. Đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ đầu tư, cải tiến liên tục để hoàn thiện cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng nhằm để đáp ứng đủ nhu cầu về đào tạo, tổ chức thi, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.
- đ. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ công tác tổ chức thi và thực hiện nhiệm vụ được phân công cụ thể trong từng kỳ thi.

4. Trách nhiệm và nhiệm vụ tổ chức thi

Trường ĐHĐT chịu trách nhiệm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất để tổ chức thi.

Trường ĐHĐT sẽ xây dựng Kế hoạch chi tiết các nội dung công việc chuẩn bị cho việc tổ chức thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính:

- Xây dựng phương án sử dụng kết quả để xét tuyển sinh.
- Công bố đề thi tham khảo.
- Tổ chức đăng ký dự thi.
- Phối hợp với Trung tâm KTQG tổ chức thi.
- Công bố kết quả thi và sử dụng kết quả thi để tuyển sinh.

4.1. Chuẩn bị

- 1) Chuẩn bị cơ sở vật chất, kỹ thuật của đợt thi.
- 2) Có đội ngũ kỹ thuật thành thạo để xử lý các sự cố trong khi thi.
- 3) Có đội ngũ kỹ thuật xử lý các sự cố về hạ tầng mạng, điện và đội ngũ xử lý sự cố liên quan đến trình duyệt, máy tính, hệ điều hành.
- 4) Cài đặt máy chủ.
- 5) Cài đặt máy tính ở các phòng thi đầy đủ các phần mềm và cấu hình máy tính đúng để có thể chạy được phần mềm thi.
- 6) Kiểm tra thử kết nối của các máy tính thi, các chức năng của phần mềm thi và phần mềm trên máy chủ.
- 7) Tạo số báo danh, phòng thi và các các thông tin khác của thí sinh trong phần mềm.
- 8) Đưa các thông báo, thông tin phòng thi, thông tin liên quan đến kỳ thi cho thí sinh biết trước khi thi.
- 9) Nhập thông tin giám thị vào trong phần mềm.
- 10) Kích hoạt kỳ thi ở chế độ sẵn sàng.
- 11) Sao lưu dữ liệu trước khi thi.

4.2. Trong khi thi

- 1) Kích hoạt kỳ thi để thí sinh và giám thị sử dụng được các chức năng của phần mềm thi.
- 2) Xử lý được nhanh các sự cố xảy ra liên quan đến máy chủ và máy tính thi của thí sinh.
- 3) Sử dụng thành thạo các chức năng của phần mềm, xử lý được các tình huống liên quan đến thí sinh trong khi làm bài thi khi cán bộ đóng vai trò là giám thị.
- 4) Phối hợp với cán bộ của Trung tâm KTQG xử lý sự cố liên quan.
- 5) Bảo đảm đề thi được bảo mật, không bị lộ ra ngoài.
- 6) Xử lý các sự cố liên quan đến thí sinh theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thi.
- 7) Hỗ trợ giám thị, kỹ thuật trong trường hợp cần thiết.
- 8) Giám sát máy chủ và phần mềm để đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn dữ liệu.
- 9) Sao lưu dữ liệu sau mỗi ca thi.

4.3. Sau khi thi

- 1) Phối hợp với cán bộ của Trung tâm KTQG xử lý các sự cố liên quan đến máy chủ và xử lý các tình huống phát sinh khác.
- 2) Nhận, quản lý dữ liệu kết quả thi sau khi xuất điểm.
- 3) Bảo đảm đề thi, NHCHT được bảo mật, không bị lộ ra ngoài.
- 4) Sao lưu dữ liệu toàn hệ thống.
- 5) Xóa dữ liệu trên máy chủ.
- 6) Bảo mật thông tin thí sinh dự thi.

5. Sử dụng kết quả thi xét tuyển tại Trường ĐHĐT

Xét tuyển dựa vào điểm thi V-SAT theo tổ hợp 3 môn thi ứng với ngành do thí sinh đăng ký. Thí sinh có thể sử dụng kết quả Kỳ thi V-SAT do những cơ sở giáo dục khác phối hợp với Trung tâm KTQG tổ chức thi. Danh sách các trường đại học thỏa thuận tổ chức thi và sử dụng chung kết quả thi V-SAT: Trường Đại học Ngân hàng TPHCM, Trường Đại học Sài Gòn, Trường Đại học Tài chính – Marketing, Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Mở TPHCM, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TPHCM, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, Đại học Duy Tân, Trường Đại học Văn Lang, Trường Đại học Trà Vinh, Trường Đại học Luật TPHCM, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Công nghệ TPHCM, Trường Đại học Lạc Hồng, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (danh sách có thể được cập nhật thêm).

Đối tượng xét tuyển bao gồm người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; người học đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên đăng ký xét tuyển học liên thông trình độ đại học theo quy định. Điều kiện xét tuyển cụ thể về kết quả kỳ thi V-SAT được Nhà trường quy định và công bố trong từng kỳ tuyển sinh.

Thí sinh có tổng điểm của ba (03) môn theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào do Nhà trường xác định và công bố trên cơ sở phân tích kết quả kỳ thi theo từng năm tuyển sinh. Đối với các ngành, chương trình đào tạo có môn năng khiếu trong tổ hợp xét tuyển, thí sinh phải tham gia và đạt yêu cầu tại kỳ thi năng khiếu do Nhà trường tổ chức theo quy định.

- Thời gian đăng ký: Thực hiện theo kế hoạch thi hằng năm do Nhà trường ban hành.
- Danh mục ngành xét tuyển bằng kết quả thi V-SAT: Các ngành, nhóm ngành và chương trình đào tạo sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) để xét tuyển, được công bố cụ thể trong thông báo tuyển sinh của Nhà trường theo từng năm.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN CỦA TRUNG TÂM KHẢO THÍ QUỐC GIA VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trung tâm KTQG xây dựng NHCHT, cung cấp phần mềm tổ chức thi trên máy tính và đồ dữ liệu thi vào hệ thống máy chủ và máy tính dự thi của tất cả thí sinh dự thi tại Trường ĐHĐT.

1. Mục tiêu, nội dung bài thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính

1.1. Mục tiêu

Tổ chức kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính nhằm xác định người học đáp ứng yêu cầu học đại học phục vụ công tác tuyển sinh theo từng ngành, lĩnh vực. Kỳ thi đánh giá người học phục vụ tuyển sinh đầu vào đại học trên máy tính là kỳ thi độc lập.

- Tuyển được người học có phẩm chất, năng lực học tập đáp ứng được yêu cầu đào tạo theo từng trình độ và có khả năng hoàn thành tốt các chương trình đào tạo.

- Tạo thuận lợi cho thí sinh, giảm áp lực thi và giảm chi phí cho việc tổ chức thi tuyển.

- Phù hợp với xu thế hội nhập và các yêu cầu đào tạo tiên tiến trên thế giới.

1.2. Nội dung bài thi

1.2.1. Một số đặc trưng của bài thi

(1) Bám sát chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) hiện hành, có tính phân loại cao. Căn cứ đánh giá của các môn thi là các yêu cầu cần đạt về năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và các chương trình môn học. Tỉ trọng các đơn vị kiến thức phù hợp để phân loại, xếp hạng trong việc lựa chọn các nhóm học sinh đủ năng lực ứng tuyển vào trường đại học theo từng ngành, nhóm ngành. Điều này đáp ứng với đại đa số học sinh phổ thông, đồng thời phù hợp với yêu cầu tuyển sinh của từng đơn vị.

(2) NHCHT được xây dựng theo quy trình khoa học, áp dụng các lý thuyết và kỹ thuật hiện đại của khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục bảo đảm độ tin cậy và độ giá trị.

(3) NHCHT có số lượng câu hỏi lớn bảo đảm khách quan và công bằng trong việc kiểm tra, đánh giá. Ngoài ra, NHCHT chuẩn hóa cho phép so sánh, đối chiếu và theo dõi năng lực học sinh theo các đối tượng học sinh, các năm thi tuyển,...

(4) Kết quả bài thi cho phép báo cáo kết quả chẩn đoán từng cá nhân, cung cấp chi tiết điểm mạnh, điểm yếu của thí sinh để hỗ trợ chọn khóa học, lớp học phù hợp với từng nhóm thí sinh.

(5) Dễ dàng và hiệu quả trong việc tổ chức triển khai: Hình thức chủ yếu tổ chức thi trên máy tính. Ngoài ưu điểm là khách quan, công bằng thì phương thức này rất tiện lợi trong khâu tổ chức thi và công bố kết quả, linh hoạt về thời gian tổ chức thi. Trong trường hợp đơn vị chưa đáp ứng cơ sở vật chất thi trên máy thì có thể triển khai thi trên giấy.

(6) Quy trình xây dựng NHCHT, quy trình tổ chức thi bảo đảm sự khách quan, bảo mật và hiệu quả. Quá trình tổ chức thi, tạo đề thi được thực hiện ngẫu nhiên qua hệ thống phần mềm, không có sự can thiệp của con người vào việc lựa chọn đề thi. Ngoài ra, quá trình tổ chức thi luôn có sự giám sát của thanh tra đơn vị, với sự phối hợp của công an.

1.2.2. Nội dung, hình thức và thời gian thi

- *Nội dung thi:* Nội dung thi nằm trong Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành bậc Trung học phổ thông.

- *Môn thi:* Tổ chức thi 08 môn thi độc lập, gồm: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh và Ngữ văn.

- *Hình thức thi:* Thi theo từng môn thi độc lập trên máy tính.

- *Thời gian làm bài:* Môn Toán, Ngữ văn thi 90 phút; các môn Tiếng Anh, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, mỗi môn thi 60 phút.

- *Các dạng câu hỏi trong đề thi:* gồm 04 dạng câu hỏi: Trắc nghiệm Đúng/Sai, Trắc nghiệm Ghép hợp, Trắc nghiệm khách quan 04 lựa chọn và dạng câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn hoặc viết luận. Trong đó, các môn thi có vận dụng cách đánh giá của PISA để xây dựng những câu hỏi yêu cầu học sinh vận dụng các kiến thức, kỹ năng và năng lực của mình vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

+ Dạng 1: Câu trắc nghiệm Đúng/Sai

Câu trắc nghiệm lựa chọn Đúng/Sai có định dạng là các nhận định mà người học phải dựa vào hiểu biết của mình để đưa ra quyết định điều đó là Đúng hay Sai. Ngoài phần dẫn, loại câu hỏi này gồm ba cột, một cột là danh sách những câu hỏi/mệnh đề và hai cột còn lại là các ô trống để thí sinh dựa vào hiểu biết của mình đưa ra quyết định chọn Đúng hoặc Sai.

Mỗi câu hỏi dạng này thường xây dựng 04 phương án lựa chọn Đúng/Sai.

+ Dạng 2: Câu trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi (Ghép hợp)

Là câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn, ngoài phần đề hỏi-phần dẫn, loại câu hỏi này gồm hai cột, một cột là danh sách những câu/ý hỏi/mệnh đề và một cột là danh sách các phương án trả lời. Dựa trên một hệ thức tiêu chuẩn nào đó định trước, thí sinh tìm cách ghép những câu hỏi/ý hỏi/mệnh đề của cột này với phương án trả lời ở cột còn lại sao cho phù hợp. Số câu trong hai cột có thể bằng nhau hoặc khác nhau.

Phần đề hỏi thường được đặt ở cột bên trái, đánh thứ tự câu/ý hỏi/mệnh đề bằng chữ số (1, 2, 3...); phần trả lời được đặt ở cột bên phải, đánh thứ tự bằng chữ cái latin (A, B, C...). Để bảo đảm độ giá trị của câu hỏi và giảm thiểu khả năng đoán mò của thí sinh, số lượng lựa chọn ở cột bên phải thường được thiết kế nhiều hơn số lượng các câu hỏi ở cột bên trái.

+ Dạng 3: Câu trắc nghiệm 04 lựa chọn

Câu hỏi trắc nghiệm khách quan 04 lựa chọn yêu cầu thí sinh chọn một đáp án đúng từ bốn phương án được đưa ra. Các lựa chọn thường được ký hiệu A, B, C, D, và chỉ một trong số đó là chính xác. Loại câu hỏi này thường được dùng để kiểm tra kiến thức một cách ngắn gọn và rõ ràng, giúp quá trình chấm điểm trở nên dễ dàng hơn.

Các câu hỏi trắc nghiệm bốn lựa chọn thường được thiết kế theo dạng nhóm câu hỏi (từ 2 – 5 câu) đối với mỗi nhóm, các câu hỏi đều có nội dung liên kết với chủ đề/bài đọc chung của nhóm. Chủ đề/bài đọc có thể là một/một số đoạn văn, bảng biểu, biểu đồ hoặc dữ liệu,... Cách thiết kế theo nhóm câu hỏi có thể đánh giá khả năng phân tích, tổng hợp, liên kết,... của thí sinh.

+ Dạng 4: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn hoặc viết luận

Với câu trắc nghiệm trả lời ngắn, thí sinh được yêu cầu tìm ra câu trả lời của mình, thay vì lựa chọn câu trả lời từ các phương án cho sẵn. Câu trả lời có thể là một chữ, một số, một biểu tượng hoặc một cụm từ, hay cũng có thể là một câu trả lời đơn

giản. Loại câu hỏi này thường được sử dụng để kiểm tra việc ghi nhớ thông tin, sự kiện quan trọng hoặc những kiến thức, khái niệm cơ bản; kiểm tra kỹ năng thực hiện một nhiệm vụ; kiểm tra năng lực tư duy, suy luận logic; kiểm tra khả năng áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề liên quan.

Với câu hỏi viết luận yêu cầu thí sinh phải viết một bài phân tích, giải thích, hoặc lập luận chi tiết về một vấn đề hoặc chủ đề nhất định. Thí sinh sắp xếp ý tưởng, đưa ra luận điểm và chứng minh quan điểm của mình bằng lập luận logic, dẫn chứng, hoặc các minh họa phù hợp. Câu viết luận dài thường đòi hỏi kiến thức sâu rộng, khả năng suy luận, phân tích và diễn đạt tốt. Mục tiêu của dạng câu hỏi này là kiểm tra không chỉ kiến thức của người học mà còn cả khả năng tư duy phê phán, kỹ năng viết, sự sáng tạo trong việc trình bày ý kiến cá nhân.

1.2.3. Cấu trúc chung các môn thi

Dạng câu hỏi	Số lượng câu hỏi/môn	Số lượng tiểu mục câu hỏi/môn	Điểm thô/môn	Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh	Ngữ văn
Đúng Sai	9	36	54/150	x	x
Câu hỏi MCQs dạng nhóm	6	24	36/150	x	x
Ghép hợp	5	20	30/150	x	x
Trả lời ngắn/ viết luận	5	5	30/150	Trả lời ngắn	Viết luận

1.2.4. Phương pháp tính điểm

Các bài thi được tính điểm theo cả hai cách: điểm thô (raw score) và điểm năng lực (scaled score).

Với cách tính điểm thô: Điểm thô của một thí sinh sẽ là tổng số điểm mà họ đạt được dựa trên số tiểu mục câu hỏi trả lời đúng. Điểm thô được tính căn cứ theo hướng dẫn cho điểm của chuyên gia môn học. Đối với dạng thức câu hỏi Đúng/Sai, mỗi câu gồm 04 tiểu mục câu hỏi: trả lời chính xác 1/4 tiểu mục câu hỏi được 01 điểm, trả lời chính xác 2/4 tiểu mục câu hỏi được 02 điểm, trả lời chính xác 3/4 tiểu mục câu hỏi được 03 điểm, trả lời chính xác 4/4 tiểu mục câu hỏi được 06 điểm. Đối với dạng thức câu hỏi Ghép hợp, mỗi câu gồm 04 tiểu mục câu hỏi: trả lời chính xác mỗi tiểu mục câu hỏi được 1.5 điểm. Đối với câu hỏi trả lời ngắn và câu hỏi trắc nghiệm 04 lựa chọn: mỗi câu trả lời chính xác được 06 điểm. Đối với bài viết luận thực hiện theo hướng dẫn chấm và đáp án chấm, điểm bài viết là 30 điểm. Tổng điểm toàn bài là 150 điểm.

Với cách tính điểm năng lực: Điểm năng lực sử dụng lý thuyết ứng đáp câu hỏi (IRT) để ước lượng năng lực thí sinh và được tính toán, quy đổi về điểm trung bình 500,

độ lệch chuẩn 100. IRT không chỉ xem xét việc học sinh trả lời đúng hay sai mà còn quan tâm đến khả năng của thí sinh đối với từng câu hỏi cụ thể. Do đó, điểm năng lực theo thang điểm 500, độ lệch chuẩn 100 cung cấp thông tin chi tiết hơn về năng lực của thí sinh. Quá trình này giúp tạo ra một bức tranh rõ ràng hơn về kỹ năng và hiểu biết của thí sinh trong lĩnh vực kiểm tra đó.

Các đơn vị có thể lựa chọn đánh giá học sinh theo điểm thô hoặc điểm năng lực tùy thuộc vào mục đích và yêu cầu cụ thể của từng đơn vị.

Cách xác định các ngưỡng/mức năng lực

Phương pháp Angoff hiệu chỉnh là phương pháp được lựa chọn để xác định các điểm ngưỡng hay điểm cắt (cut-off score). Mục đích của việc xác định các điểm ngưỡng này là đánh giá các mức kết quả đạt được của thí sinh trong một bài thi. Phương pháp này được thực hiện cơ bản như sau: một nhóm các chuyên gia môn học được mời tham gia, đánh giá từng câu hỏi và ước lượng xác suất mà một thí sinh trung bình có thể sẽ trả lời đúng câu đó. Điểm ngưỡng được tính toán bằng cách lấy trung bình cộng của các ước lượng này từ tất cả các chuyên gia. Điểm ngưỡng có ý nghĩa trong việc quyết định đậu, trượt hoặc đạt được mức trình độ nào đó.

Ngoài ra, các ứng dụng của lý thuyết khảo thí hiện đại cũng được áp dụng để xác định các mức năng lực theo các yêu cầu cụ thể trong việc xác định các nhóm học sinh theo các trình độ khác nhau (Hình 2).

Các mức điểm trên thang tiêu chuẩn (500,100)	Các nhóm năng lực học sinh ứng với các dải
$+3\sigma \leftrightarrow 800 \rightarrow$	Nhóm HS xuất sắc
$+2\sigma \leftrightarrow 700 \rightarrow$	
$+1\sigma \leftrightarrow 600 \rightarrow$	Nhóm HS giỏi
Điểm T.C. 500 $\rightarrow$	Nhóm HS cận trên tiêu chuẩn trung bình
$-1\sigma \leftrightarrow 400 \rightarrow$	Nhóm HS cận dưới tiêu chuẩn
$-2\sigma \leftrightarrow 300 \rightarrow$	Nhóm HS yếu
$-3\sigma \leftrightarrow 200 \rightarrow$	Nhóm HS kém

Hình 2. Các ngưỡng xác định các mức năng lực của học sinh theo thang điểm năng lực 500, độ lệch chuẩn 100

1.2.5. Chi tiết về bài thi

1.2.5.1. Môn Toán

1) *Nội dung đánh giá:* Đánh giá khả năng hiểu các kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực Toán học; khả năng đọc, tư duy, suy luận logic về Toán học thông qua dữ kiện được cung cấp và kiến thức đã học; khả năng áp dụng các kiến thức phổ thông để giải quyết các vấn đề liên quan.

2) Ví dụ 4 dạng thức câu hỏi trong đề thi

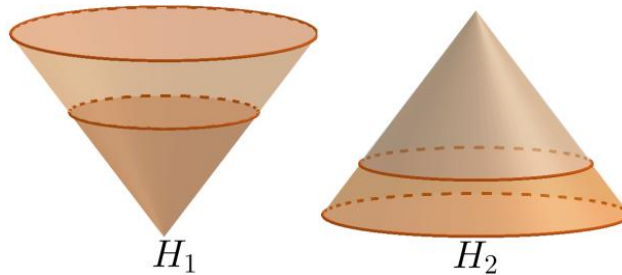
a) Dạng 1: Trắc nghiệm Đúng/Sai

Cho dãy số (u_n) biết $u_n = 2n + 3, \forall n \in \mathbb{N}^*$. Các mệnh đề sau đúng hay sai?

Mệnh đề	Đúng	Sai
A. $u_{12} = u_{21}$.		X
B. Dãy số (u_n) là dãy tăng.	X	
C. $u_1 + u_2 + u_3 = 21$.	X	
D. $u_5 - u_3 = 5$.		X

b) Dạng 2: Trắc nghiệm ghép hợp

Một cái phễu có dạng hình nón có chiều cao bằng 30cm. Người ta đổ một lượng nước vào phễu sao cho chiều cao của cột nước trong phễu bằng x (cm) (hình H_1). Nếu bịt kín miệng phễu rồi lật ngược phễu lên (hình H_2) thì chiều cao của cột nước trong phễu tương ứng là y (cm) (giá trị của y được làm tròn đến hàng phần nghìn).



Ghép nội dung cột bên trái với cột bên phải để được mệnh đề đúng.

1. Nếu $x = 15$ (cm) thì y bằng	A. 1,306(cm).
2. Nếu $x = 10$ (cm) thì y bằng	B. 0,375(cm).
3. Nếu $x = 20$ (cm) thì y bằng	C. 3,316(cm).
4. Nếu $x = 18$ (cm) thì y bằng	D. 2,337(cm).
	E. 0,668(cm).
	F. 2,677(cm).

Đáp án: 1-A; 2-B; 3-C; 4-D.

c) Dạng 3: Trắc nghiệm 4 lựa chọn theo nhóm

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ 13 đến 15. Chọn phương án đúng trong 4 phương án đã cho với mỗi câu hỏi.

Thời gian trung bình sử dụng ChatGPT trên một ngày của một nhóm học sinh được ghi lại trong bảng dưới đây.

Thời gian (phút)	Tần số
[0; 5)	3
[5; 15)	11
[15; 25)	6
[25; 30)	15
[30; 35)	5

Câu 13. Tính tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu ghép nhóm trên (làm tròn kết quả đến hàng phần chục; đơn vị: phút).

A. 11,4.

B. 11,3.

C. 11,2.

D. 11,1.

Câu 14. Chọn ngẫu nhiên một bạn học sinh trong nhóm trên. Tính xác suất để thời gian trung bình bạn đó sử dụng Chat GPT lớn hơn hoặc bằng 25 phút một ngày (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

A. 0,37.

B. 0,38.

C. 0,50.

D. 0,51.

d) Dạng 4: Trắc nghiệm trả lời ngắn

Cho hàm số $y = f(x)$ xác định trên $\mathbb{R}$ và có $f'(x) = x(x+1)$, $\forall x \in \mathbb{R}$. Hỏi hàm số

$y = f(x)$ có bao nhiêu điểm cực trị?

Đáp án: 2.

1.2.5.2. Môn Vật lí

1) *Nội dung đánh giá:* Đánh giá khả năng hiểu các kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực Vật lí; khả năng đọc, tư duy, suy luận logic về Vật lí thông qua dữ kiện được cung cấp trong đề thi và kiến thức đã học; khả năng áp dụng các kiến thức phổ thông để giải quyết các vấn đề liên quan.

2) *Ví dụ 4 dạng thức câu hỏi trong đề thi*

a) Dạng 1: Trắc nghiệm Đúng/Sai

Trong mạch dao động LC lí tưởng đang có dao động điện từ tự do với chu kì dao động riêng T . Tại thời điểm t_1 , cường độ dòng điện trong cuộn cảm là $i = 2 \text{ mA}$. Sau thời điểm t_1 khoảng thời gian $\frac{T}{4}$ thì hiệu điện thế giữa hai bản tụ điện là $u = 6 \text{ V}$. Biết điện dung tụ điện là $C = 5 \text{ nF}$. Các mệnh đề sau đúng hay sai?

Mệnh đề	Đúng	Sai
A. Thời điểm t_1 , từ thông riêng của ống dây bằng $90 \mu\text{Wb}$	X	
B. Thời điểm $t_1 + T/4$, điện tích tụ điện là 30 nC	X	
C. Độ tự cảm của cuộn cảm bằng 45 mH	X	
D. Tần số góc riêng của mạch dao động bằng 200000 rad/s		x

b) Dạng 2: Trắc nghiệm ghép hợp

Cho D_1 , D_2 , D_3 là 3 dao động điều hòa cùng phương, cùng tần số. Dao động tổng hợp của D_1 và D_2 có phương trình $x_{12} = 3\sqrt{3} \cos(\omega t + \frac{\pi}{2})$ cm. Dao động tổng hợp của D_2 và D_3 có phương trình $x_{23} = 3 \cos \omega t$ cm. Biết D_1 và D_3 ngược pha với nhau.

Ghép nội dung ở cột bên trái với nội dung ở cột bên phải thành một nội dung đúng.

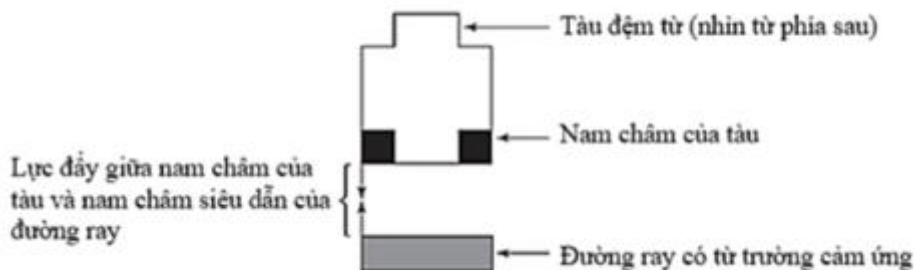
1. Tổng biên độ của hai dao động D_1 và D_3 tính theo cm là	A. -120
2. Pha ban đầu của dao động D_1 tính theo đơn vị độ là	B. -60
3. Pha ban đầu của dao động D_3 tính theo đơn vị độ là	C. 2,6
4. Biên độ của dao động D_2 có giá trị nhỏ nhất bằng bao nhiêu cm	D. 6
	E. 60
	F. 120

Đáp án: 1-D; 2-F; 3-B; 4-C.

c) Dạng 3: Trắc nghiệm 04 lựa chọn theo nhóm

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ 13 đến 15. Chọn phương án đúng trong 04 phương án đã cho với mỗi câu hỏi.

Trong những năm gần đây, công nghệ đệm từ trường ("maglev") đã được nghiên cứu để cung cấp thêm một phương án vận chuyển nhanh. Sử dụng lực đẩy của từ trường, tàu đệm từ có thể di chuyển với tốc độ lên đến 300 mph (300 dặm một giờ). Loại công nghệ "tàu đệm từ" đang được nghiên cứu hiện nay là EDS (Electrodynamic suspension).



Trong EDS, các thanh nam châm được đặt ở dưới đáy của tàu đệm từ và trong đường ray bên dưới tàu. Dòng điện có thể tạo ra từ trường cảm ứng trong các thanh nam châm siêu dẫn của đường ray, kết quả là xuất hiện lực đẩy liên tục giữa các thanh nam châm khiến tàu được nâng lên, duy trì một khoảng cách phía trên đường ray được gọi là "khe không khí" và di chuyển về phía trước. Về mặt lý thuyết, tàu đệm từ trong EDS phải di chuyển cao hơn ít nhất 4 inch so với đường ray, do đó hầu như không có năng lượng bị mất do ma sát. Nếu hệ thống mất năng lượng, nó sẽ ở dạng năng lượng nhiệt.

Các nhà khoa học đã thực hiện 3 nghiên cứu với tàu đệm từ trên đường ray được định hướng từ Đông sang Tây dưới các điều kiện được kiểm soát. Dòng điện có cường độ I (A) trong đường ray cần thiết để tạo ra vận tốc của tàu trong mỗi thử nghiệm được đo và ghi lại trong các bảng 1,2,3.

Câu 14. Trong các nghiên cứu: từ Nghiên cứu 1 đến Nghiên cứu 3 đã thực hiện, yếu tố nào sau đây được giữ không đổi?

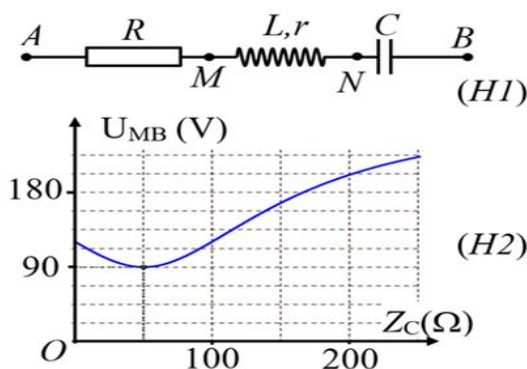
- A. Cường độ dòng điện I . B. Chiều dài L của thanh nam châm.
C. Cảm ứng từ B . D. Hướng của vận tốc.

Câu 15. Trong Nghiên cứu 3, dòng điện có cường độ $I = 570$ A nếu từ trường B có giá trị là

- A. $6 \cdot 10^{-4}$ T. B. $8 \cdot 10^{-4}$ T. C. $1 \cdot 10^{-3}$ T. D. $2 \cdot 10^{-3}$ T.

d) Dạng 4: Trắc nghiệm trả lời ngắn

Cho đoạn mạch AB như hình H1, trong đó điện trở $R = 100 \Omega$, cuộn dây không thuần cảm và tụ điện có điện dung C thay đổi được. Đặt vào hai đầu đoạn mạch AB một điện áp xoay chiều có giá trị hiệu dụng 270 V. Hình H2 là đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của U_{MB} (điện áp hiệu dụng giữa hai điểm M, B) theo dung kháng Z_C của tụ điện.



Tổng trở của đoạn mạch MN (tính theo đơn vị Ω và làm tròn đến 1 chữ số thập phân) bằng bao nhiêu?

Đáp số: 70,7.

1.2.5.3. Môn Hóa học

1) **Nội dung đánh giá:** Đánh giá khả năng hiểu các kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực Hóa học. Các nhóm câu hỏi tình huống đánh giá khả năng đọc, tư duy, suy luận logic về Hóa học thông qua dữ kiện được cung cấp trong đề thi và kiến thức đã học; đánh giá khả năng áp dụng các kiến thức phổ thông để giải quyết các vấn đề liên quan.

2) **Ví dụ 04 dạng thức câu hỏi trong đề thi**

a) Dạng 1: Trắc nghiệm Đúng/Sai

Este mạch hở E có công thức phân tử $C_{10}H_{14}O_6$. Cho E tác dụng với dung dịch NaOH, thu được ancol X và hai muối hai axit cacboxylic đơn chức Y và Z đều không tham gia phản ứng tráng bạc ($M_Y < M_Z$).

Xác định đúng, sai cho các nhận định sau:

Nhận định	Đúng	Sai
1. Có 4 cấu tạo thỏa mãn tính chất của E.		X
2. Chất Z làm mất màu dung dịch brom.	x	
3. Y và Z là hai chất cùng dãy đồng đẳng.		X
4. X tan được $Cu(OH)_2$ tạo dung dịch xanh lam.	x	

b) Dạng 2: Trắc nghiệm ghép hợp

Cho các dữ kiện:

1. Cho $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ vào dung dịch AgNO_3	A. thu được kết tủa và khí.
2. Cho kim loại Na vào dung dịch CuCl_2	B. có kết tủa sau đó kết tủa tan.
3. Sục CO_2 cho đến dư vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$	C. thu được kết tủa.
4. Cho kim loại Cu vào dung dịch hỗn hợp NaNO_3 và HCl	D. có khí không màu hóa nâu trong không khí.
	E. không có hiện tượng gì.
	F. có kết tủa màu xanh và khí màu nâu đỏ

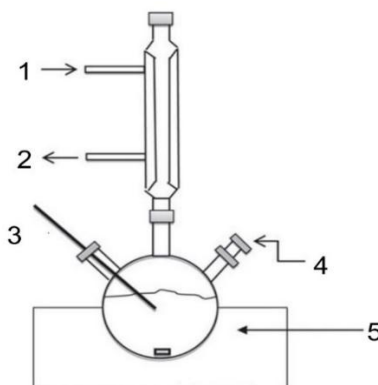
Ghép nội dung ở cột bên trái với nội dung ở cột bên phải để được một câu có nội dung đúng.

Đáp án: 1-C; 2-A; 3-B; 4-D.

c) Dạng 3: Trắc nghiệm 04 lựa chọn theo nhóm

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ 13 đến 15. Chọn phương án đúng trong 04 phương án đã cho với mỗi câu hỏi.

Phản ứng ester hóa được coi là một trong những phản ứng hóa học quan trọng trong công nghiệp. Các ester của acrylic acid có nhiều ứng dụng trong công nghiệp như để sản xuất lớp phủ và mực, chất kết dính, dệt may, nhựa và chất đàn hồi,... Trong một phương pháp tổng hợp methyl acrylate, người ta đun hồi lưu acid và alcohol tương ứng với xúc tác là H_2SO_4 . Trong một thí nghiệm điều chế ester này, người ta lắp đặt dụng cụ như ở hình 1. Các chất phản ứng được cho vào hình cầu 3 cổ (đặt trên máy khuấy từ- vị trí 5). Các vị trí còn lại (đánh số 1, 2, 3, 4 đang thiếu thông tin).



Hình 1: Sơ đồ thí nghiệm điều chế methyl acrylate từ acid và alcohol tương ứng.

Câu 13: Trong hình vẽ về thí nghiệm nói trên, chất phản ứng được đưa vào ở vị trí nào?

- A. Vị trí 1. B. Vị trí 2. C. Vị trí 3. D. Vị trí 4.

Câu 14: Phát biểu nào dưới đây là đúng khi nhận xét về đặc điểm của phản ứng giữa acrylic acid và ethyl alcohol.

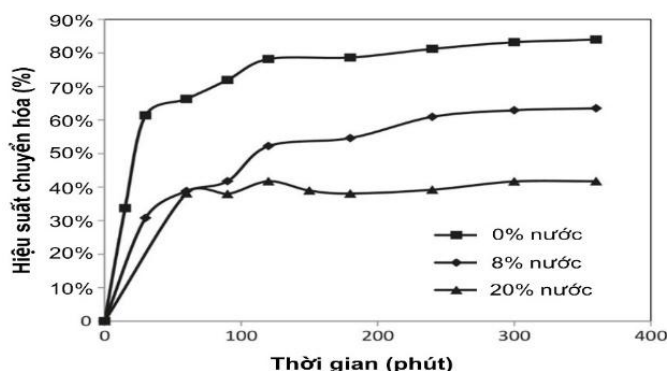
- A. Phản ứng ester hóa xảy ra hoàn toàn khi dùng dư lượng acrylic acid và ethyl alcohol.

B. Có thể thay H_2SO_4 bằng bất kỳ acid vô cơ nào như HCl , HNO_3 mà hiệu suất phản ứng không thay đổi.

C. Dùng H_2SO_4 có nồng độ cao sẽ cho hiệu suất tổng hợp cao hơn là dùng H_2SO_4 nồng độ thấp.

D. Vai trò của nhiệt độ trong phản ứng là để các chất phản ứng và sản phẩm phản ứng dễ bay hơi.

Câu 15: Khi nghiên cứu về ảnh hưởng của H_2O đến hiệu suất phản ứng tổng hợp ethyl acrylate, kết quả thu được ở hình 2. Nhận định nào sau đây là đúng khi muốn tăng hiệu suất quá trình tổng hợp methyl acrylate?



Hình 2: Ảnh hưởng của nước trong hỗn hợp phản ứng đến hiệu suất chuyển hóa acryli acid thành ester

A. Điều kiện tốt nhất là đun nóng hỗn hợp 200 phút và nồng độ H_2O là 20%.

B. Nên tiến hành quá trình ester hóa trong môi trường không có nước.

C. Hiệu suất phản ứng tổng hợp không bị ảnh hưởng bởi nước.

D. Nồng độ nước càng cao thì hiệu suất tổng hợp càng lớn.

d) Dạng 4: Trắc nghiệm trả lời ngắn

Cho 1,88 gam hỗn hợp gồm P và S vào dung dịch chứa 0,4 mol HNO_3 đặc (đun nóng), thu được 0,32 mol NO_2 và dung dịch X. Cho 150 ml dung dịch gồm NaOH 1M và KOH 1M vào X, thu được dung dịch Y. Cô cạn Y, thu được m gam hỗn hợp rắn khan. Giá trị của m là

Đáp án: 21.

1.2.5.4. Môn Sinh học

1) **Nội dung đánh giá:** Đánh giá khả năng hiểu các kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực Sinh học; khả năng đọc, tư duy, suy luận logic về Sinh học thông qua dữ kiện được cung cấp trong đề thi và kiến thức đã học; khả năng áp dụng các kiến thức phổ thông để giải quyết các vấn đề liên quan.

2) **Ví dụ 04 dạng thức câu hỏi trong đề thi**

a) Dạng 1: Trắc nghiệm Đúng/Sai

Khi nói về quang hợp ở thực vật, các phát biểu sau đúng hay sai?

Mệnh đề	Đúng	Sai
1. Con đường CAM và con đường C_4 có bản chất hóa học giống nhau.	X	
2. Quá trình quang hợp ở các nhóm thực vật C_3 , C_4 và CAM chỉ khác nhau chủ yếu trong pha tối.	X	
3. Chu trình Calvin chỉ có ở thực vật C_3 .		X
4. Pha sáng chỉ diễn ra khi có ánh sáng, còn pha tối chỉ diễn ra khi cây ở trong bóng tối.		X

b) Dạng 2: Trắc nghiệm ghép hợp

Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng về tuần hoàn máu ở động vật:

1. Chim, thú	A. máu chảy trong động mạch dưới áp lực thấp, tốc độ máu chảy chậm.
2. Lưỡng cư	B. tim có vách ngăn ở tâm thất nhưng không hoàn toàn.
3. Côn trùng	C. không có sự pha trộn giữa máu giàu O_2 và máu giàu CO_2 ở tim.
4. Cá xương	D. máu nghèo O_2 từ tâm thất trái lên phổi, trao đổi khí ở phổi trở thành máu giàu O_2 rồi trở về tâm nhĩ phải.
	E. máu ở tim luôn là máu giàu CO_2 , nghèo O_2 .
	F. tim có 3 ngăn.

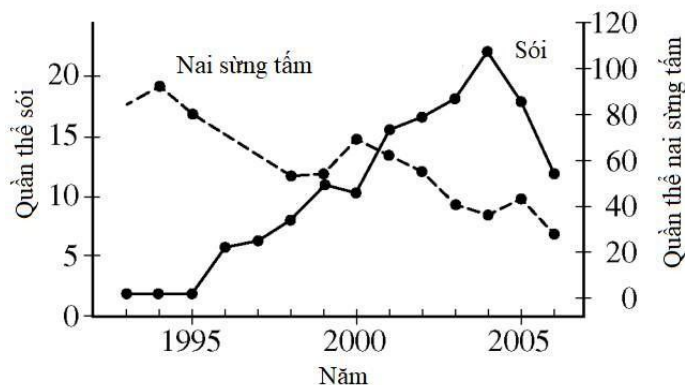
Đáp án: 1-C; 2-F; 3-A; 4-E.

c) Dạng 3: Trắc nghiệm 04 lựa chọn theo nhóm

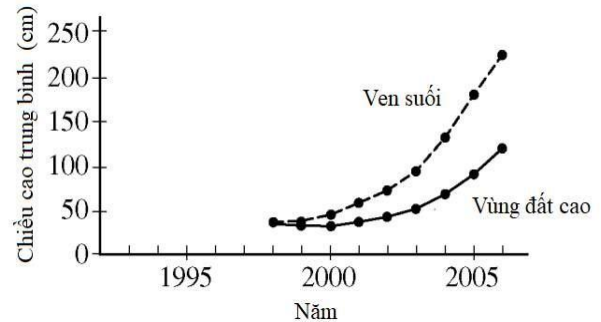
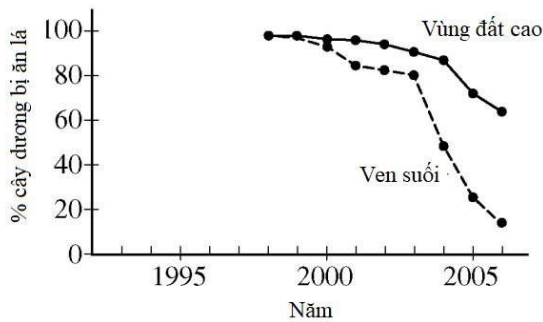
Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ 10 đến 12. Chọn phương án đúng trong 04 phương án đã cho với mỗi câu hỏi.

Sau 50 năm vắng bóng, đến năm 1995, 1 quần thể sói đã được hồi phục ở Công viên Quốc gia Yellowstone nước Mỹ. Trong một nghiên cứu kéo dài nhiều năm, người ta theo dõi số lượng sói và con mồi của nó - nai sừng tấm. Dữ liệu được mô tả trong (Hình 1).

Trong khu rừng, cây dương có thể sống ở vùng đất cao khá bằng phẳng và ở vùng ven bờ suối có địa hình dốc và cây cối rậm rạp. Nai sừng tấm sử dụng cây dương làm thức ăn, người ta theo dõi tỉ lệ % cây dương bị ăn lá (Hình 2) và chiều cao cây ở 2 khu vực đất cao và ven suối (Hình 3).



Hình 1: Kích thước quần thể sói và quần thể nai sừng tấm ở Công viên Quốc gia Yellowstone



Hình 2: Phần trăm cây dương bị ăn lá ở vùng đất cao và ven suối

Hình 3: Chiều cao cây dương ở vùng đất cao và ven suối

Câu 10. Giải thích nào sau đây là hợp lý nhất về những thay đổi về kích thước quần thể nai sừng tấm từ năm 2000 đến năm 2005?

- A. Chiều cao của cây dương tăng trong khoảng thời gian đó.
- B. Nhu cầu thức ăn của quần thể sói cao hơn so với trước năm 1995.**
- C. Số lượng cây dương tăng chậm trong khoảng thời gian đó.
- D. Quần thể sói tăng nhanh hơn ở vùng đất cao.

Câu 11. Dự đoán nào sau đây về quần xã trên là đúng?

- A. Sự sụt giảm số lượng nai sừng tấm sẽ khiến sói ăn các cây dương.
- B. Sự gia tăng số lượng sói sẽ dẫn đến giảm tốc độ tăng trưởng của cây dương.
- C. Sự gia tăng sự phát triển của cây dương sẽ dẫn đến giảm số lượng sói.
- D. Số lượng sói giảm sẽ dẫn đến giảm chiều cao trung bình của cây dương.**

Câu 12. Hành vi nào sau đây ở nai sừng tấm có thể dẫn đến sự khác biệt giữa về chiều cao cây trung bình ở vùng đất cao và vùng ven bờ suối?

- A. Nai sừng tấm có xu hướng thích các khu vực ven sông, nơi dễ dàng tiếp cận với nguồn nước và cây dương thấp hơn.
- B. Nai sừng tấm có xu hướng tránh những khu vực đất cao, bằng phẳng để bị vật săn mồi ăn thịt.
- C. Nai sừng tấm có xu hướng thích những vùng cao, nơi có nhiều nguồn dinh dưỡng khoáng chất hơn, chẳng hạn như kali và iốt.
- D. Nai sừng tấm có xu hướng tránh những khu vực ven sông, nơi những bờ sông dốc, nhiều cây cối nên khó thoát khỏi những kẻ săn mồi.**

d) Dạng 4: Trắc nghiệm trả lời ngắn

Ở một loài thú, lai hai giống thuần chủng P: lông nâu, mắt đỏ × lông đen, mắt trắng, thu được F_1 gồm toàn cá thể lông nâu, mắt đỏ. Cho F_1 giao phối với nhau thu được F_2 có tỉ lệ: 18 ♀ lông nâu, mắt đỏ : 14 ♀ lông đen, mắt đỏ : 9 ♂ lông nâu, mắt đỏ : 9 ♂ lông nâu, mắt trắng : 7 ♂ lông đen, mắt đỏ : 7 ♂ lông đen, mắt trắng. Ở F_2 , cho mỗi cá thể lông nâu, mắt đỏ giao phối với một cá thể lông đen, mắt trắng. Theo lí thuyết, có tối đa

bao nhiêu phép lai cho đời con có đủ 4 kiểu hình: lông nâu, mắt đỏ; lông nâu, mắt trắng; lông đen, mắt đỏ; lông đen, mắt trắng?

Đáp án: 13.

1.2.5.5. Môn Lịch sử

1) *Nội dung đánh giá:* Đánh giá khả năng hiểu các kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực Lịch sử; khả năng đọc, tư duy, suy luận logic về Lịch sử thông qua dữ kiện được cung cấp trong đề thi và kiến thức đã học; khả năng áp dụng các kiến thức phổ thông để giải quyết các vấn đề liên quan.

2) *Ví dụ 04 dạng thức câu hỏi trong đề thi*

a) Dạng 1: Trắc nghiệm Đúng/Sai

Đọc văn bản sau về Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương và chọn đúng cho mỗi thông tin đúng, sai cho mỗi thông tin sai so với thông tin trong văn bản.

“Lúc ấy cả thế giới như một nồi nước sôi và tình hình cách mạng Đông Dương bước những bước vĩ đại để dọn đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa mạnh mẽ. Nói thế không phải ta ngồi ỷ lại đâu. Trái lại, ta phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù, nghĩa là mai này đây cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và cuộc kháng chiến của nhân dân Tàu xoay ra hoàn toàn cho cuộc cách mạng Đông Dương thắng lợi, thì lúc đó với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, tr 131-132)

Thông tin	Đúng	Sai
1. Đảng đã xác định được tiến trình khởi nghĩa vũ trang ở Việt Nam.	x	
2. Đảng khẳng định điều kiện khách quan giữ vai trò quyết định đối với thắng lợi của cách mạng.		x
3. Đảng đã xác định được thời cơ cách mạng để giành chính quyền.	x	
4. Đảng chỉ rõ lực lượng vũ trang giữ vai trò quyết định đối với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa từng phần.		x

b) Dạng 2: Trắc nghiệm ghép hợp

Ghép nội dung cột bên trái với nội dung cột bên phải - thành nội dung đúng về lịch sử Việt Nam giai đoạn 1939-1945.

1. Quốc dân Đại hội ở Tân Trào (8-1945) đã	A. thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa.
2. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương (8-1945) đã	B. xác định tiến trình khởi nghĩa.
3. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) đã	C. thông qua 10 chính sách của Việt Minh.
4. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng	D. thành lập Quân đội quốc gia Việt Nam.

Cộng sản Đông Dương (11-1939) đã	
	E. giương cao ngọn cờ chống đế quốc và phong kiến.
	F. tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất.

Đáp án: 1-C; 2-A; 3-B; 4-F.

c) Dạng 3: Trắc nghiệm 04 lựa chọn theo nhóm

Đọc tư liệu sau và trả lời các câu hỏi từ 10 đến 12. Chọn phương án đúng trong 04 phương án đã cho với mỗi câu hỏi.

“Từ khi hòa bình lập lại, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang một giai đoạn mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, miền Bắc đang tiến những bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, tăng cường lực lượng về mọi mặt, trở thành thành trì của cách mạng cả nước. Trong khi đó thì đế quốc Mỹ và bọn Ngô Đình Diệm dựng lên ở miền Nam một chính quyền độc tài và hiếu chiến, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ. Sự nghiệp thống nhất nước nhà của nhân dân ta đang bị chúng cản trở và phá hoại”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 21 (1960), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 916)

Câu 10: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về cuộc cách mạng trong “giai đoạn mới” ở miền Bắc Việt Nam sau khi hòa bình lập lại và hoàn toàn giải phóng?

- A.** Cách mạng xã hội chủ nghĩa. **B.** Cách mạng giải phóng dân tộc.
C. Cách mạng dân chủ tư sản. **D.** Cách mạng tư sản dân quyền.

Câu 11: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của miền Bắc trong tiến trình cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở Việt Nam (1954-1975)?

- A.** Trở thành hậu phương chiến lược, là thành trì vững chắc của cách mạng cả nước.
B. Là nơi mở đầu cuộc đụng đầu trực tiếp với đế quốc Mỹ trong các cuộc chiến đấu.
C. Trở thành tiền tuyến lớn trong chiến đấu chống các chiến lược chiến tranh của Mỹ.
D. Là nơi trung chuyển hàng viện trợ của miền Nam Việt Nam cho Lào và Campuchia.

Câu 12: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về nhiệm vụ chiến lược của nhân dân Việt Nam trong giai đoạn sau năm 1954?

- A.** thực hiện hai nhiệm vụ cách mạng song song ở hai miền, hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.
B. thực hiện nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Bắc.
C. hoàn thành cách mạng ruộng đất ở cả hai miền Nam-Bắc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.
D. hoàn thành nhiệm vụ xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân từ trung ương đến địa phương.

d) Dạng 4: Trắc nghiệm trả lời ngắn

“Sau chiến thắng này của ta, chính quyền Sài Gòn phản ứng mạnh và đưa quân đến hòng chiếm lại, nhưng đã thất bại. Mĩ chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực đe dọa từ xa” (Sách giáo khoa Lịch sử lớp 12, NXBGD).

“chiến thắng này của ta” được đề cập ở đây là chiến thắng nào?

Đáp án: Phước Long 1975.

1.2.5.6. Môn Địa lí

1) *Nội dung đánh giá:* Đánh giá khả năng hiểu các kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực Địa lí; khả năng đọc, tư duy, suy luận logic về Địa lí thông qua dữ kiện được cung cấp trong đề thi và kiến thức đã học; khả năng áp dụng các kiến thức phổ thông để giải quyết các vấn đề liên quan.

2) *Ví dụ 4 dạng thức câu hỏi trong đề thi:*

a) Dạng 1: Trắc nghiệm Đúng/Sai

Phát biểu nào sau đây đúng, phát biểu nào sai về Trung du và miền núi Bắc Bộ?

Phát biểu	Đúng	Sai
1. Có đường biên giới trên bộ kéo dài.	x	
2. Nhiều tỉnh tiếp giáp với Biển Đông.		x
3. Là vùng giàu tài nguyên khoáng sản.	x	
4. Khí hậu có tính cận nhiệt và ôn đới.		x

b) Dạng 2: Trắc nghiệm ghép hợp

Ghép nội dung ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái để trở thành một câu có nội dung đúng.

1. Thuận lợi chủ yếu phát triển cây công nghiệp ở nước ta là	A. đất phù sa màu mỡ, khí hậu thuận lợi, nguồn nước dồi dào.
2. Thuận lợi chủ yếu phát triển cây lúa ở nước ta là	B. đất cát ven biển, khí hậu nóng quanh năm, nhiều sông.
3. Chăn nuôi lợn ở nước ta phát triển chủ yếu dựa vào	C. đồng cỏ tự nhiên, thức ăn chế biến, điều kiện sinh thái thích hợp.
4. Chăn nuôi trâu ở nước ta chủ yếu dựa vào	D. điều kiện chăn thả trong rừng, khí hậu khô nóng.
	E. khí hậu nhiệt đới, nhiều loại đất feralit tốt phân bố rộng.
	F. thức ăn từ lương thực, thực phẩm, thức ăn công nghiệp.

Đáp án: 1-E; 2-A; 3-G; 4-C.

c) Dạng 3: Trắc nghiệm 4 lựa chọn theo nhóm

Cho bảng số liệu sau, trả lời các câu hỏi từ 10 đến 12. Chọn 01 đáp án đúng với mỗi câu hỏi.

DIỆN TÍCH LÚA CÁC MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2000	2005	2010	2015	2021
Lúa đông xuân	3013,2	2942,1	3085,9	3168,0	3006,8
Lúa hè thu	2292,8	2349,3	2436,0	2869,1	2673,5
Lúa mùa	2360,3	2037,8	1967,5	1790,9	1558,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy trả lời các câu hỏi 10,11,12:

Câu 10. Để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích lúa các mùa vụ ở nước ta giai đoạn 2000- 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A.** Đường. **B.** Cột. **C.** Miền. **D.** Tròn.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây đúng về diện tích lúa các mùa vụ ở nước ta năm 2021 so với năm 2000.

A. Lúa đông xuân tăng, lúa hè thu giảm. **C.** Lúa hè thu tăng, lúa mùa giảm.

B. Lúa mùa tăng, lúa đông xuân tăng. **D.** Lúa đông xuân giảm, lúa hè thu giảm.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây đúng về cơ cấu diện tích lúa các mùa vụ ở nước ta giai đoạn 2000 - 2021?

- A.** Lúa mùa chiếm tỉ lệ cao nhất. **C.** Tỉ lệ lúa đông xuân cao hơn lúa mùa.
B. Lúa đông xuân chiếm tỉ lệ thấp nhất. **D.** Tỉ lệ lúa hè thu cao hơn lúa đông xuân.

b) Dạng 4: Trắc nghiệm trả lời ngắn

Nêu cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta.

Đáp án: Than.

1.2.4.7. Môn Tiếng Anh

1) *Nội dung đánh giá:* Đánh giá khả năng đọc hiểu, sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh. Ngữ liệu liên quan đến các lĩnh vực trong đời sống: văn hóa, xã hội, văn học, nghệ thuật...

2) *Ví dụ 4 dạng thức câu hỏi trong đề thi*

a) Dạng 1: Trắc nghiệm Đúng/Sai

How many calories can you burn in one hour? Well, it all depends on the activity. You use calories all the time, even when you are resting. Reading, sleeping, sitting and sunbathing all use about 60 calories an hour. Very light activities use 75 calories. Examples are eating, writing, knitting, shaving, driving and washing up. Light activities which use about 100 calories an hour include playing the piano, getting dressed and

having a shower. Under moderate activities which use between 100 and 200 calories an hour we can put walking, doing housework, shopping and skating. Energetic activities use 200 - 400 calories. These include horse riding, cycling, swimming, skipping, and dancing. Finally there are strenuous activities which use up to 600 calories an hour. These activities include climbing stairs, jogging, digging the garden and playing football.

	T	F
1. The amount of calories we use an hour depends on the activity we do.	X	
2. When we are resting we don't burn calories.		x
3. Reading use as many calories as writing.		x
4. Having a shower uses only 100 calories an hour.	X	

b) Dạng 2: Trắc nghiệm ghép hợp

Choose the letter A, B, C, D, E or F to indicate the option that best completes each sentence from 1 to 4.

1. So much did the boys shout when their team won _____	A. did she consider retraining to work in project management.
2. Only by working hard _____	B. that the couple made the decision to move back to their hometown.
3. It was not until years into their marriage _____	C. that they both suffered from a sore throat the next day.
4. What exceeded everyone's expectations _____	D. was the costume design for the school play.
	E. when they have learnt to appreciate the importance of mutual respect.
	F. can you get what you want.

Đáp án: 1-C; 2-F; 3-E; 4-D.

c) Dạng 3: Trắc nghiệm 4 lựa chọn theo nhóm

Read the passage and answer questions 10 to 15.

Fifty-two-year-old American Henry Evans is one of the world's first teletourists. From the comfort of his bed in Palo Alto, California, he has travelled to places as far away as Bora Bora in the South Pacific. Under normal circumstances, this journey would be impossible for Henry because he is disabled. A serious stroke when he was 40 affected his brain and left him without speech and unable to use his arms or legs. But with the help of technology, Henry is able to **deal with** his difficulties and get out to see the world.

When Henry wants to visit a museum, he uses a telepresence robot called the Beam, a big computer monitor with a webcam that is attached to a mobile base with two poles. Using head movements, he can drive the machine around the halls, talking to the guide and learning about the exhibits, just like any other visitor. Several of the world's museums already use these machines, and Henry hopes there will soon be more.

[A] To see what is happening outside, Henry uses a device called Polly. Like the Beam, Polly is made up of a monitor and a webcam, the difference being that it is small enough to be portable. The gadget fits into a frame attached to a person's shoulder allowing it to be carried around like a parrot. By virtue of this new technology, Henry can accompany and converse with his friends and family when they have a day out in the country. He controls it by moving his head, so that it turns around and shows him everything his companions can see and hear.

[B] Thanks to improvements in long-distance remote-control software, Henry can fly drones, which also enable him to explore from the air. [C] When he wants to go further afield, he has found a website which has 5,000 drone videos from all over the world, which gives him access to all kinds of fascinating destinations. [D]

No journey is too far for Henry, who is currently pursuing the possibility of travelling into space. He got the idea from an article he came across on the internet. He read that a research team was trying to get access for PC users to a robot on the International Space Station (ISS). Henry has already applied for permission to use this new technology, but he has not received approval yet. Judging by what he has already achieved, however, it is only a matter of time before he is allowed to go on a remote tour of the satellite.

Question 10: Which sentence best summarizes the main idea of the passage?

A. Henry Evans, a 52-year-old American, explores the world using telepresence robots and drones, aiming to one day travel to space.

B. Henry Evans, a disabled American, has explored space using innovative technologies like telepresence robots and drones.

C. Henry Evans, at 52, uses advanced technology to help other disabled individuals experience the world in ways they couldn't before.

D. Henry Evans, an American inventor, designs telepresence robots and drones to enable disabled individuals to travel virtually.

Question 11: What is closest in meaning to the phrasal verb “deal with” in paragraph 1?

A. solve

B. meet

C. avoid

D. cause

Question 12: Which of the following is TRUE according to the second paragraph?

A. Henry can visit museums with the help of a telepresence robot.

B. Robots like the Beam are being used widely in museums across the world.

C. Henry use sign language to communicate directly with the museum guides.

D. The Beam is attached to the walls around the halls.

Question 13: What does the word “it” in paragraph 3 refer to?

A. Polly

B. a person's shoulder

C. a frame

D. a parrot

Question 14: In which space (marked A, B, C, or D in the passage) will the following sentence fit?

He controls them using his head, and he's even flown one around his garden wearing a virtual reality headset.

A. [A].

B. [B].

C. [C].

D. [D].

Question 15: Which of the following can be inferred about Henry from the last paragraph of the passage?

A. He has already been approved to use a robot on the International Space Station.

B. He is determined to keep exploring new possibilities despite his disability.

C. He has shifted his focus from using drones to controlling robots in space.

D. He has little hope of achieving his goal of exploring space remotely.

d) Dạng 4: Trắc nghiệm trả lời ngắn

For questions 10-14, complete the text by writing ONE word in each gap. Write the words in their corresponding boxes on your answer sheet.

We know sleep is an activity we can't do without, yet we let our hectic lifestyle wear us down until we can't (1) _____ from bed in the morning. We know the longer we go without sleep, the more likely we are to have (2) _____ accident, and when that happens, we've hit rock bottom. It's safe to say that too many people have come up against this problem. But there's no need for us to run (3) _____ into the ground over a lack of sleep. Now it seems as if people are bouncing back from this sleepless torture by taking mid-day naps. Some may think it makes them look lazy to the boss, but these days aren't as old-fashioned (4) _____ we might expect, and such ideas as napping at work are catching (5) _____. It's been proven by researchers that a mid-day nap increases productivity, and more employees are changing their tune about the practice.

Adapted from Close up C1, Cengage Learning

Đáp án: 1-rise; 2-an; 3-ourselves; 4-as; 5-on.

1.2.5.8. Môn Ngữ văn

1) **Nội dung đánh giá:** Đánh giá kỹ năng đọc, viết của học sinh trong môn Ngữ văn, chủ yếu ở lớp 12 theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018. Các nhóm câu hỏi trong đề thi như câu hỏi đúng sai, câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, câu hỏi ghép cặp nhằm đánh giá kỹ năng đọc hiểu các loại văn bản văn học, văn bản thông tin, văn bản nghị luận. Các nhóm câu hỏi này đánh giá kỹ năng đọc hiểu trên các phương diện: đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức và liên hệ, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống. Nhiệm vụ viết đoạn văn với một dung lượng phù hợp trong đề thi nhằm đánh giá kỹ năng viết, vận dụng kiến thức kỹ năng đã học để tạo lập một đoạn văn nghị luận.

2) **Ví dụ bốn dạng thức câu hỏi trong đề thi**

a) Dạng 1: Trắc nghiệm Đúng/Sai

Đọc và cho biết nhận định nào dưới đây là đúng, nhận định nào là sai về thông điệp của đoạn trích?

Mạng xã hội là môi sinh màu mỡ cho tin giả. Chỉ cần khoác chiếc áo blouse trắng, ai cũng có thể trở thành chuyên gia và cho lời khuyên về cách chăm sóc sức khỏe, bên dưới không quên đường dẫn bán sản phẩm. Có lẽ chưa thời đại nào mà các nhà phân tích tài chính, bác sĩ, giáo sư, tiến sĩ... lại có nhiều thời gian đến vậy để tham gia mạng xã hội. Sự bùng nổ của những nội dung ngắn càn khiến lượng tin giả khổng lồ được tiêu thụ vì người dùng thiếu dữ liệu để xác minh thông tin cũng như bị choáng ngợp bởi số lượng tin tức dày đặc.

(Theo Hồng Vân, Mai Thụy, *Hộ chiếu văn hóa Việt Nam – Văn hóa thời đại số*:

Mạng xã hội và mối lo ngại phân cực thể hệ, dẫn theo tuoitre.vn)

Nhận định	Đúng	Sai
1. Không nên tham gia mạng xã hội vì rất dễ bị lừa gạt bởi các chuyên gia mạng và lượng tin giả đang được lan truyền chóng mặt.		x
2. Cần thận trọng và xác minh kĩ các thông tin trên mạng xã hội để đảm bảo không bị đánh lừa bởi tin giả.	X	
3. Đừng tin vào những thông tin được lan truyền trên mạng xã hội vì phần lớn là tin giả.		x
4. Nên cảnh giác, thận trọng khi sử dụng mạng xã hội vì số lượng tin giả khổng lồ được tạo nên bởi các chuyên gia giả mạo.	X	

b) Dạng 2: Trắc nghiệm ghép hợp

Đọc đoạn trích dưới đây và ghép nội dung ở cột bên trái với nội dung ở cột bên phải để trở thành một câu có nội dung đúng.

(1) ...Mùa thu ở Bắc Việt xa xưa ời, ta buồn da diết khi nghĩ đến kiếp chúng sinh hệ lụy trong biển trầm luân nhưng ta không thể không cảm ơn trời phật đã cho người Bắc đau khổ triền miên một mùa thu xanh mơ mộng điểm tình đến thế. Mộng từ ngọn gió, cánh hoa mộng đi, mộng từ tiếng nhạc về én đi mà mộng lại, mộng từ bông sen tàn tạ trong đầm mà mộng lên, mộng từ sắc ố quan hà mà mộng xuống.

(2) Quái lạ là cái mùa kỳ diệu: tự nhiên trời chỉ đổi màu, gió chỉ thay chiều làm rụng một cái lá ngô đồng, thế là bao nhiêu cảnh vật đều nhuốm một màu tê tái, làm cho lòng người đa cảm tự nhiên thấy se sắt, tư lường. Thế là trời đất cỏ cây tự nhiên hiện ra dưới một lăng kính mới: trắng sáng đẹp là thế cũng hóa ra buồn, trời bát ngát yêu thương như thế mà cũng hóa ra tê tái, sông nước đẹp mộng mênh như thế mà cũng ra đều hiu lạnh.

(3) Ngay đến cái thân mình, bình thường chẳng làm sao, vậy mà không hiểu cơn có nào thấy gió thu về xào xạc ngoài hiên mình cũng tự nhiên thấy thương cho thân thể và băng khuâng buồn nhớ. Nhớ cái gì, buồn cái gì, không rõ rệt. Chính vào lúc bóng tối chưa tan, người vợ thấy chồng chong một ngọn đèn con lên pha trà uống một mình và khe khẽ ngâm thơ cũng không hiểu tại sao chồng lại băng khuâng như vậy.

“Trăng tà chiếc quạ kêu sương

Lửa chài le lói, sầu vương giấc hồ

Thuyền ai đậu bến Cô Tô

Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San”

Chính thực ra nghe thấy gió thu đuổi lá chạy ở rặng cây ngoài vườn, người vợ cũng băng khuâng nhưng chính mình không biết đó thôi.

(*Thương nhớ mười hai*, Vũ Bằng, NXB Văn học, Hà Nội, 1993)

1. Chủ đề của văn bản là	A. tạo sự thuyết phục, giọng điệu hùng hồn cho văn bản.
2. Câu văn cuối đoạn (1) sử dụng các phép tu từ	B. vẽ đẹp của mùa thu ở Bắc Việt.
3. Các câu thơ được trích dẫn trong đoạn (3)	C. yêu thiên nhiên; tâm hồn tinh tế, giàu mơ mộng; tri thức văn hóa sâu rộng.
4. Qua văn bản độc giả thấy được vẻ đẹp cái tôi tác giả:	D. điệp từ, liệt kê, tương phản.
	E. tạo màu sắc trữ tình cho văn bản, nhấn mạnh cảm giác băng khuâng lúc thu về.
	F. sự khác biệt giữa mùa thu Bắc Việt và mùa thu phương Nam.

Đáp án: 1-B, 2-D, 3-E, 4-C

c) Dạng 3: Trắc nghiệm 4 lựa chọn theo nhóm

Thí sinh đọc văn bản và lựa chọn một phương án đúng theo yêu cầu từ câu 10 đến câu 12:

Những ngón chân xương xẩu, móng dài và đen toẽ ra như móng chân gà mái

Đã năm năm, mười lăm năm, ba mươi năm và nửa đời tôi thấy

Những người đàn bà xuống gánh nước sông

Những búi tóc võ xối xả trên lưng áo mềm và ướt

Một bàn tay họ bám vào đầu đòn gánh bé bỏng chơi vơi

Bàn tay kia bầu vào mây trắng

Sông gục mặt vào bờ đất lần đi

Những đàn ông mang cần câu và con mưa biển ra khỏi nhà lạng lẽ

Những con cá thiêng quay mặt khóc

Những chiếc phao ngô chết nổi

Những người đàn ông giận dữ, buồn bã và bỏ đi

Đã năm năm, mười năm, ba mươi năm và nửa đời tôi thấy

Sau những người đàn bà gánh nước sông và lũ trẻ cởi truồng

Chạy theo mẹ và lớn lên

Con gái lại đặt đòn gánh lên vai và xuống bến

Con trai lại vác cần câu và con mưa biển ra khỏi nhà lạng lẽ

Và cá thiêng lại quay mặt khóc

Trước những lưỡi câu ngơ ngác lộ môi.

(*Những người đàn bà gánh nước sông* - Nguyễn Quang Thiều, theo thivien.net)

Câu 10. Nêu tác dụng của điệp ngữ *Đã năm năm, mười năm, ba mươi năm và nửa đời tôi thấy* được sử dụng trong văn bản.

A. Nhấn mạnh sự tiếp diễn liên tục hành động gánh vác, vất vả của những người đàn bà; giúp câu thơ sinh động, giàu nhịp điệu.

B. Nhấn mạnh sự chảy trôi liên tục của thời gian; giúp câu thơ giàu hình ảnh; tạo giọng điệu say mê.

C. Nhấn mạnh trải nghiệm, suy ngẫm của nhân vật “tôi” theo dòng thời gian tiếp nối; giúp câu thơ sinh động, giàu nhịp điệu; tạo giọng điệu suy tư.

D. Nhấn mạnh sự vất vả, gánh vác của những người đàn bà trong dòng thời gian tiếp nối qua cảm nhận của nhân vật “tôi”; giúp câu thơ liên mạch; tạo giọng điệu suy tư.

Câu 11. Dấu hiệu của bút pháp siêu thực trong các dòng thơ sau là gì?

Một bàn tay họ bám vào đầu đòn gánh bé bỏng chơi vơi

Bàn tay kia bầu vào mây trắng

Sông gục mặt vào bờ đất lặn đi

A. Sử dụng phong phú các biện pháp tu từ; ngôn ngữ giàu sức gợi.

B. Sử dụng những hình ảnh đẹp, thi vị; cách ngắt nhịp lạ.

C. Sử dụng những câu thơ sai cấu trúc ngữ pháp; ngôn ngữ mới mẻ.

D. Sử dụng những hình ảnh kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường.

Câu 12. Hình tượng người phụ nữ trong hai đoạn thơ sau có đặc điểm gì giống nhau?

Những ngón chân xương xẩu, móng dài và đen toẽ ra như móng chân gà mái

Đã năm năm, mười lăm năm, ba mươi năm và nửa đời tôi thấy

Những người đàn bà xuống gánh nước sông

Những búi tóc vờ xối xả trên lưng áo mềm và ướt

Một bàn tay họ bám vào đầu đòn gánh bé bỏng chơi vơi

Bàn tay kia bầu vào mây trắng

Sông gục mặt vào bờ đất lặn đi

Và:

Họ gánh về cổng tôi bao mùa trình nguyên, những mùa tôi sẽ quên nếu thiếu họ

Hương nhãn Hưng Yên vừa vào mùa, sen Tây Hồ vừa nở, cốm làng Vòng vừa trăn trở những hạt xanh

Họ gánh tặng tôi ngọn gió mát lành đồng quê

Nơi mẹ và con và chồng họ đứng chờ

Những ngôi sao của tôi

Gánh trên vai mình hằm hiu số phận

Vô danh giữa đời thường

Dẫu đôi lúc đặt vào mắt tôi bao tia nhìn mang hình dấu hỏi.

(Trích *Những ngôi sao mang hình quang gánh* - Nguyễn Phan Quế Mai, theo thivien.net)

- A.** Số phận hẩm hiu, vất vả; sự tần tảo, chịu thương chịu khó.
- B.** Ngoại hình xinh đẹp, giàu nữ tính; hi sinh vì chồng con.
- C.** Sự vất vả, chịu đựng; niềm tin vào tương lai.
- D.** Ngoại hình xinh đẹp, giàu nữ tính; niềm tin vào tương lai.

d) Dạng 4: Tự luận trả lời dài (Viết luận)

Thi cử, thành tích học tập, lựa chọn nghề nghiệp, gánh nặng kinh tế... đang là những vấn đề gây nhiều áp lực cho thanh niên hiện nay. Bằng góc nhìn của một người trẻ, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày một số giải pháp để vượt qua những áp lực trong cuộc sống.

2. Quy trình xây dựng ngân hàng đề thi

Một trong những thành tố quan trọng nhất của bất cứ phương thức tuyển sinh nào là chất lượng của đề thi. Đề thi phải đánh giá chính xác, khách quan, công bằng cho tất cả thí sinh và chọn được ứng viên phù hợp, đáp ứng các yêu cầu học tập tiếp theo trong tương lai. NHCHT chuẩn hóa sẽ đáp ứng được các yêu cầu đó. NHCHT chuẩn hóa này được thiết kế theo một quy trình chặt chẽ và dựa trên Lý thuyết hồi đáp câu hỏi (Item Response Theory). Các câu hỏi thi được xây dựng trên nền tảng đã được xác định các thuộc tính về độ khó, độ phân biệt và sự phù hợp của lời dẫn, câu hỏi và các phương án trả lời. Việc này đảm bảo các đề kiểm tra sẽ được xác định các thông số cơ bản thông qua một hàm thông tin chứa các thông tin cần thiết của đề kiểm tra. Các thông tin này sẽ được sử dụng trong quá trình xử lý các điểm thi và do vậy sẽ đưa ra được những điểm số của từng thí sinh phù hợp với năng lực của họ. Đồng thời, các điểm thi này, do được xác định dựa theo thông số của các đề thi nên sẽ khách quan và không phụ thuộc nhiều vào mức độ khó của đề thi.

NHCHT cần được bảo đảm đủ về số lượng, chất lượng theo mục đích của mỗi kỳ thi; được phát triển theo hướng chuẩn hóa, phù hợp với yêu cầu của nội dung đánh giá, có tính phân hóa cao; tương thích với yêu cầu, kỹ thuật tổ chức thi trên máy tính và phục vụ thi nhiều lần trong năm.

NHCHT được xây dựng và áp dụng các phương pháp, kỹ thuật tiên tiến của đo lường và đánh giá hiện đại trên thế giới, phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam.

Với mục tiêu và nguyên lý này, NHCHT chuẩn hóa được xây dựng theo quy trình khoa học, hiện đại theo quy trình của các nước tiên tiến trên thế giới, gồm 6 bước sau:

- Bước 1: Xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi.
- Bước 2: Biên soạn câu hỏi thi.
- Bước 3: Thẩm định, biên tập câu hỏi thi.
- Bước 4: Thử nghiệm câu hỏi thi và đề thi.
- Bước 5: Chỉnh sửa các câu hỏi sau thử nghiệm.

Bước 6: Thẩm định, rà soát, lựa chọn câu hỏi vào NHCHT.

Nội dung chi tiết các bước xây dựng NHCHT như sau:

a) Bước 1: Xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi

- Các nhóm chuyên gia xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi theo từng lĩnh vực bao gồm: mục tiêu đánh giá, dạng thức câu hỏi, thang bậc năng lực cần đánh giá, nội dung/đơn vị kiến thức, độ khó của câu hỏi và các yêu cầu đối với từng câu hỏi làm cơ sở cho việc biên soạn, biên tập, thẩm định và nghiệm thu/lựa chọn câu hỏi.

- Ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi được xây dựng dựa theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực của Chương trình giáo dục phổ thông và các quy định hiện hành về việc điều chỉnh nội dung dạy và học (nếu có) của Bộ GDĐT.

- Ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi được trình lãnh đạo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Bước 2: Biên soạn câu hỏi thi

- Ban Điều hành chỉ đạo phương án và cách thức tổ chức biên soạn câu hỏi thi.

- Mỗi giáo viên chỉ được biên soạn một số đơn vị kiến thức ở một đến hai cấp độ nhận thức nhất định; không được xem NHCHT đã có; không được chép sao câu hỏi đã có mà phải sáng tác mới.

- Các câu hỏi được biên soạn phải đảm bảo các yêu cầu sau đây: phù hợp với ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi; đảm bảo tính chính xác, tính khách quan và độ khó, độ phân biệt và độ tin cậy theo yêu cầu tổ chức thi; phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam, không vi phạm đường lối chính trị, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Bước 3: Thẩm định, biên tập câu hỏi thi

- *Thẩm định câu hỏi:* Ban Điều hành phân công giáo viên thẩm định nội dung, kỹ thuật câu hỏi theo các yêu cầu đối với từng câu hỏi được thẩm định; những người thẩm định ghi vào Phiếu thẩm định câu hỏi các ý kiến phân tích, đánh giá và đề xuất các ý kiến chỉnh sửa (nếu có) hoặc không chọn đối với từng câu hỏi, trong đó:

+ Thẩm định nội dung: Thẩm định về nội dung chuyên môn, lời dẫn, phương án trả lời và dạng thức câu hỏi bảo đảm đúng yêu cầu của bản đặc tả.

+ Thẩm định kỹ thuật: Thẩm định về kỹ thuật viết câu hỏi, lời dẫn và các phương án trả lời của câu hỏi.

- *Biên tập câu hỏi sau thẩm định:* Sau khi có kết quả thẩm định, các giáo viên được Ban Điều hành phân công sẽ tiến hành tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện từng câu hỏi.

Lựa chọn câu hỏi: Ban Điều hành phân công giáo viên lựa chọn các câu hỏi đủ điều kiện sau thẩm định, biên tập; phân công người nhập các câu hỏi này vào phần mềm quản lý câu hỏi.

d) Bước 4: Thử nghiệm câu hỏi thi và đề thi

Các câu hỏi sau khi được chỉnh sửa sẽ được cấu trúc thành các tổ hợp câu hỏi theo đúng ma trận đề thi để thử nghiệm.

Ban Điều hành triển khai thử nghiệm các đề thi, đảm bảo mỗi đề thi phải có khoảng 50 lượt học sinh làm bài thử.

Sau khi hoàn thành hoạt động thử nghiệm, các cán bộ điều phối tiến hành nhập/chiết xuất dữ liệu kết quả làm bài của thí sinh; làm sạch dữ liệu để chuẩn bị cho công tác phân tích.

Các chuyên gia phân tích sử dụng các phần mềm chuyên dụng để thực hiện phân tích đề thi, đánh giá độ khó của đề thi; đề xuất những câu hỏi cần chỉnh sửa, những câu hỏi phải loại bỏ trong mỗi tổ hợp, viết và nộp báo cáo kết quả phân tích cho Ban Điều hành.

Trong trường hợp không tổ chức thử nghiệm được tất cả các câu hỏi thì có thể thử nghiệm một số tổ hợp câu hỏi mẫu làm cơ sở để các giáo viên chỉnh sửa câu hỏi khác.

đ) Bước 5: Chỉnh sửa các câu hỏi sau thử nghiệm

- Căn cứ vào kết quả định cỡ câu hỏi, thông tin đặc tả kỹ thuật của câu hỏi thi, các nhóm giáo viên chỉnh sửa, cân bằng độ khó và hoàn thiện các câu hỏi theo yêu cầu và phân công của Ban Điều hành.

- Ban Điều hành triển khai nghiệm thu câu hỏi sau định cỡ, chỉnh sửa.

e) Bước 6: Thẩm định, rà soát, lựa chọn câu hỏi vào NHCHT

Theo phân công của Ban Điều hành, các nhóm giáo viên tiến hành thực hiện thẩm định, rà soát; lựa chọn câu hỏi đủ điều kiện, đảm bảo chất lượng vào NHCHT chính thức.

3. Trách nhiệm và nhiệm vụ tổ chức thi

- Trung tâm KTQG chịu trách nhiệm vận hành phần mềm và NHCHT kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính phục vụ cho tuyển sinh đại học.

- Trung tâm KTQG xây dựng NHCHT và các điều kiện cho việc phối hợp hỗ trợ Trường ĐHĐT để tổ chức kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính.

+ Trung tâm KTQG chịu trách nhiệm phân công cán bộ có đủ năng lực chuyên môn đảm bảo vận hành phần mềm tổ chức thi, đồ dữ liệu thi, in phiếu tài khoản thi và xuất kết quả thi từ phần mềm dưới sự chứng kiến của các bên liên quan.

+ Trung tâm KTQG bàn giao kết quả thi cho Trường ĐHĐT và có các biên bản bàn giao theo đúng quy định.

+ Trung tâm KTQG chịu trách nhiệm tập huấn các nội dung liên quan đến công tác coi thi và sử dụng phần mềm thi cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và cán bộ coi thi của Trường ĐHĐT.

3.1. Chuẩn bị

1) Chuẩn bị phần mềm tổ chức thi trên máy tính.

2) Chuẩn bị NHCHT, đảm bảo NHCHT bảo mật, không lộ ra bên ngoài.

3) Hướng dẫn kỹ thuật cho Trường ĐHĐT tạo số báo danh, phòng thi và các các thông tin khác của thí sinh trong phần mềm.

4) Hướng dẫn cán bộ CNTT của Trường ĐHĐT cài đặt đúng yêu cầu kỹ thuật cho máy chủ, máy tính thi của thí sinh, sao lưu backup dữ liệu.

5) Tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật thi trên máy tính.

3.2. Trong khi thi

- 1) Hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ xử lý các tình huống rủi ro xảy ra khi thi.
- 2) Hỗ trợ xử lý các sự cố liên quan đến hệ thống máy tính trong khi thi.
- 3) Hướng dẫn sao lưu dữ liệu thường xuyên.

3.3. Sau khi thi

- 1) Hỗ trợ xử lý các tình huống phát sinh (nếu có) trước khi xuất điểm.
- 2) Hỗ trợ xuất dữ liệu, điểm cho Trường ĐHĐT.
- 3) Hướng dẫn sao lưu dữ liệu toàn hệ thống.
- 4) Hướng dẫn xóa dữ liệu trên máy chủ.
- 5) Bảo mật kết quả kỳ thi của từng đợt.
- 6) Bảo mật thông tin thí sinh dự thi.

III. KẾ HOẠCH PHỐI HỢP THỰC HIỆN

Trung tâm KTQG phối hợp với Trường để xây dựng Kế hoạch chi tiết các nội dung công việc chuẩn bị và triển khai.

Trung tâm KTQG chịu trách nhiệm xây dựng NHCHT, phần mềm tổ chức thi, phối hợp tổ chức kỳ thi và công bố kết quả thi.

Trường ĐHĐT chịu trách nhiệm: chuẩn bị cơ sở vật chất, thông báo, nhận hồ sơ đăng ký thi, tổ chức coi thi, sử dụng kết quả và thực hiện các công việc theo quy định của Bộ GDĐT.

Một số nội dung và thời gian triển khai (dự kiến):

<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị chủ trì thực hiện</i>	<i>Thời gian</i>
Xây dựng phương án tổ chức kỳ thi	Trung tâm KTQG và Trường ĐHĐT	
Xây dựng phương án sử dụng kết quả để xét tuyển sinh	Trường ĐHĐT	
Xây dựng đề thi tham khảo	Trung tâm KTQG	
Chuẩn bị phần mềm quản lý NHCHT, phần mềm quản lý tổ chức kỳ thi	Trung tâm KTQG	
Xây dựng NHCHT	Trung tâm KTQG	
Công bố đề thi tham khảo: Giới thiệu bài thi cho thí sinh; thí sinh làm bài thi thử trực tuyến qua internet với dạng thức bài thi đúng như dạng thức bài thi chính thức	Trường ĐHĐT chủ trì, Trung tâm KTQG hỗ trợ	

<i>Nội dung</i>	<i>Đơn vị chủ trì thực hiện</i>	<i>Thời gian</i>
Tổ chức đăng ký dự thi: Thí sinh đăng ký thi trực tuyến, nộp tiền qua ngân hàng, có thể không nộp hồ sơ trực tiếp.	Trường ĐHĐT chủ trì, Trung tâm KTQG phối hợp	
Chuẩn bị và tổ chức thi	Trường ĐHĐT chủ trì, Trung tâm KTQG phối hợp	02/2026
Công bố kết quả: Thí sinh tra cứu trực tuyến kết quả thi tại website của trường.	Trường ĐHĐT chủ trì, Trung tâm KTQG phối hợp	Ngay sau khi thi
Sử dụng kết quả để tuyển sinh	Trường ĐHĐT chủ trì tổ chức thi; các trường đại học phối hợp sử dụng kết quả thi	Theo quy định tuyển sinh của Bộ GDĐT

IV. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN KỲ THI

1. Lịch thi

Đợt	Ngày thi	Hạn cuối đăng ký dự thi	Ngày dự kiến cấp bằng điểm
1	06, 07, 08/02/2026	26/01/2026	16/02/2026
2	13, 14, 15/03/2026	02/03/2026	23/03/2026
3	10, 11, 12/04/2026	30/03/2026	20/04/2026
4	14, 15, 16, 17/05/2026	04/05/2026	25/05/2026
5	01, 02, 03, 04/06/2026	18/05/2026	11/06/2026
6	02, 03, 04, 05/07/2026	22/06/2026	13/07/2026

2. Địa điểm thi: Trường Đại học Đồng Tháp

Địa chỉ: Số 783, Đường Phạm Hữu Lầu, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

3. Đối tượng và điều kiện dự thi

3.1. Đối tượng dự thi

a) Người đang học chương trình THPT hoặc chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT;

b) Người học hết chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;

c) Người đã tốt nghiệp THPT; người tốt nghiệp trình độ trung cấp và đã có bằng tốt nghiệp THPT (theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (học ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam) và được công nhận đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam;

d) Người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên.

3.2. Điều kiện dự thi

Đối tượng thi không trong thời gian bị kỷ luật cấm thi; không trong thời gian bị xử lý vi phạm pháp luật; Nộp đầy đủ các giấy tờ, lệ phí theo quy định.

4. Lệ phí thi đăng ký thi từng môn thi

Môn thi	Lệ phí thi (01 môn/ 01 thí sinh)
1. Toán 2. Vật lí 3. Hóa học 4. Sinh học 5. Lịch sử 6. Địa lí 7. Tiếng Anh	150.000 đồng
8. Ngữ văn	220.000 đồng

Lưu ý:

- Lịch thi chính thức của mỗi thí sinh (địa điểm, phòng thi, giờ và ngày thi của từng môn) được công bố trước ngày thi đầu tiên 05 ngày.

- Căn cứ số môn đăng ký của thí sinh Trường sẽ xếp lịch cho thí sinh thi trong 01 ngày. Thí sinh không nên đăng ký ít hơn 03 môn, nhiều hơn 06 môn trong cùng 1 đợt thi.

- Lệ phí thi đã đóng sẽ không được hoàn trả trong mọi trường hợp; Đối với thí sinh đã đăng ký dự thi nhưng không thể tham dự được (có minh chứng không thể tham dự kỳ thi kèm theo) sẽ được Trường chuyển lệ phí thi qua kỳ thi liền kề tiếp theo và thí sinh chủ động liên hệ Trường để xác nhận lại thời gian dự thi.

5. Đăng ký dự thi

- Thí sinh đăng ký trực tuyến và nộp lệ phí trong thời hạn đăng ký của từng đợt tại Website <https://vsat.dthu.edu.vn> (xem kỹ hướng dẫn các bước đăng ký dự thi trực tuyến trước khi đăng ký).

- Hoặc đến trực tiếp tại Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường Đại học Đồng Tháp (Tầng 3, Tòa nhà Khát vọng, số 783, đường Phạm Hữu Lầu, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; điện thoại 0277.3882258).

- Thí sinh được đăng ký thi nhiều môn thi và nhiều lần thi trong các đợt ở Mục 1 thông báo này;

- Khi đăng ký dự thi, thí sinh được quyền đăng ký thi nhiều môn thi, chọn môn thi, đợt thi. Trong một số trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Hội đồng thi có thể thay đổi ca thi cho phù hợp tình hình đăng ký dự thi tại từng thời điểm và sẽ thông báo cho thí sinh.

6. Các bước đăng ký thi trực tuyến trên hệ thống <https://vsat.dthu.edu.vn>

Bước 1: Đăng ký trực tuyến trên hệ thống của Trường qua website:

<https://vsat.dthu.edu.vn>

Bước 2: Đăng ký môn thi

Bước 3: Nộp lệ phí thi

Mỗi môn thi: 150.000 đồng / môn thi / thí sinh. Riêng môn thi Ngữ văn: 220.000 đồng / thí sinh.

Lưu ý: Phải thực hiện đủ 3 bước trên thí sinh mới được duyệt hồ sơ dự thi.

7. Thông tin liên hệ

Mọi thông tin chi tiết liên quan đến kỳ thi vui lòng liên hệ Phòng Bảo đảm chất lượng - Trường Đại học Đồng Tháp:

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Khát vọng, số 783, Phạm Hữu Lầu, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

- Điện thoại: 0277.3882258 hoặc 0277.3995599

- Email: tuyensinh@dthu.edu.vn hoặc dhdt@dthu.edu.vn

- Facebook: www.facebook.com/dongthapuni 

PHẦN 3: CAM KẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Đề án Tổ chức Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính của Trường ĐHĐT có tính cấp thiết cao, giữ vai trò đặc biệt quan trọng của quy trình nâng cao chất lượng đào tạo đại học của Trường, trước mắt là nâng cao chất lượng đầu vào, tiếp theo là phù hợp với xu thế chung của hợp tác đào tạo và mở rộng quan hệ quốc tế, liên thông và chuyển đổi học viên của các chương trình đào tạo, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Trường.

Với phương thức tuyển sinh mở, linh hoạt và cụ thể, chuẩn mực và nghiêm túc, Trường sẽ được đông đảo cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy và mọi đối tượng người học hoan nghênh, ủng hộ và thực hiện. Với ưu thế được thừa hưởng những kinh nghiệm và kết quả khảo sát thực tiễn trong và ngoài nước, Đề án sẽ đảm bảo tính bền vững và có nhiều triển vọng mở rộng trên phạm vi cả nước.

Trường ĐHĐT cam kết thực hiện việc tổ chức thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính (V-SAT) theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. 